

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

Phạm Thị Thùy Linh

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO
LƯƠNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
AN SINH HÙNG

Mã sinh viên: 2653011155

Ngành: Kế toán

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

Phạm Thị Thùy Linh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO
LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
AN SINH HÙNG

Mã sinh viên : 2653011155

Ngành : Kế toán

Người hướng dẫn: ThS. Đỗ Thị Thủy

NINH BÌNH, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan kết quả đạt được trong báo cáo khóa luận tốt nghiệp này là sản phẩm của cá nhân em, các kết quả nghiên cứu và kết luận trong báo cáo này là trung thực, không có sự sao chép của người khác. Việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo theo đúng quy định.

Em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu mọi hình thức kỷ luật theo quy định cho lời cam đoan của mình.

Ninh Bình, ngày ... tháng ... năm 2026

Sinh viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thùy Linh

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Sinh viên Phạm Thị Thùy Linh đã nghiên cứu nghiêm túc và hoàn thành đúng tiến độ các giai đoạn của quá trình làm chuyên đề khoá luận tốt nghiệp. Có tinh thần học hỏi, tìm kiếm tài liệu và chỉnh sửa bài theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn. Các nội dung trình bày theo đúng đề cương đã được duyệt, đề tài đảm bảo tính khoa học và có ý nghĩa thực tiễn cao.

Ninh Bình, ngày ... tháng ... năm 2026

Người người dẫn khoa học

(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Đỗ Thị Thủy

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Nội dung
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BTC	Bộ tài chính
CNV	Công nhân viên
GTGT	Giá trị gia tăng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NĐ	Nghị định
NLĐ	Người lao động
MTV	Một thành viên
QĐ	Quyết định
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
SDCK	Số dư cuối kì
SDĐK	Số dư đầu kì
TK	Tài khoản
TLĐ	Tổng liên đoàn
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
TNTT	Thu nhập tính thuế
VNĐ	Việt Nam đồng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Tỷ lệ trích bảo hiểm.....	18
Bảng 1.2. Kết cấu TK 334.....	20
Bảng 1.3. Kết cấu TK 338.....	22
Bảng 2.1: Tình hình tài chính kinh doanh của Công ty	41
Bảng 2.2: Tình hình lao động tại Công ty	43
Bảng 2.3. Tỷ lệ trích nộp các khoản trích theo lương.....	51
Bảng 2.4. Bảng chấm công nhân viên tháng 1 bộ phận quản lý.....	54
Bảng 2.5. Bảng chấm công nhân viên tháng 1 bộ phận kinh doanh.....	55
Bảng 2.6. Bảng chấm công nhân viên tháng 1 bộ phận sản xuất.....	56
Bảng 2.7. Thuế suất thuế TNCN.....	58
Bảng 2.8: Bảng thanh toán lương bộ phận quản lý tháng 01/2026.....	60
Bảng 2.9: Bảng thanh toán lương bộ phận kinh doanh tháng 01/2026.....	61
Bảng 2.10: Bảng thanh toán lương bộ phận kinh doanh tháng 01/2026.....	62
Bảng 2.11. Phiếu chi số 1	66
Bảng 2.12. Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương.....	67
Bảng 2.13. (Trích) Nhật ký chung tháng 01/2026	70
Bảng 2.14. Phiếu kế toán số 01	72
Bảng 2.16: Giấy chứng nhận nghỉ hưởng BHXH.....	77
Bảng 2.17. Sổ chi tiết TK 3382.....	78
Bảng 2.18. Sổ chi tiết TK 3383	79
Bảng 2.19. Sổ chi tiết TK 3384.....	80
Bảng 2.20. Sổ chi tiết TK 3386.....	81

Bảng 2.21. Phiếu kế toán số 02	82
Bảng 2.22. Phiếu kế toán số 03	83
Bảng 2.23. Phiếu kế toán số 04	84
Bảng 2.24. Phiếu kế toán số 04	85
Bảng 2.25. Sổ cái TK 338 tháng 01 năm 2026	86

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền lương.....	21
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kế toán các khoản trích theo lương.....	24
Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung	26
Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	28
Sơ đồ 1.5. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	30
Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán	32
Nhật ký – Chứng từ	32
Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	33
Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	36
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng	38
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán tiền lương tại Công ty	53
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán các khoản trích theo lương tại Công ty	75
Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển giấy chứng nhận nghỉ hưởng trợ cấp	76

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC.....	ii
BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài:	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu:	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:.....	4
3.1 Mục đích nghiên cứu:.....	4
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:.....	4
4.1. Đối tượng nghiên cứu:	4
4.2. Phạm vi nghiên cứu:.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu:.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	5
6.1. Ý nghĩa khoa học:	5
7. Bố cục khóa luận:	6
NỘI DUNG	6
Chương 1	7
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	7
1.1. Tổng quan về tiền lương và các khoản trích theo lương tại các doanh nghiệp	7
1.1.1. Tiền lương:	7
1.1.2. Các khoản trích theo lương:	14

1.2. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:	19
1.2.1. Kế toán tiền lương:.....	19
1.2.2. Kế toán các khoản trích theo lương:	21
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:.....	24
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:	24
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:	26
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:	28
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:	30
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:	32
Chương 2	34
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN SINH HÙNG	34
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng....	34
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:	34
2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:.....	35
2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:.....	36
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:.....	37
2.1.5. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty:	40
2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng.....	43
2.2.1. Đặc điểm về lao động tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:	43
2.2.2. Hình thức trả lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:	48

2.2.3. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:	51
2.3. Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng.....	51
2.3.1. Kế toán tiền lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng	51
2.3.2. Kế toán các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:	74
Chương 3	87
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN SINH HÙNG.....	87
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng.....	87
3.1.1. Ưu điểm:.....	87
3.1.2. Nhược điểm:.....	88
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV An Sinh Hùng:.....	89
3.2.1. Hoàn thiện công tác chấm công và quản lý lao động:	90
3.2.2. Công tác kế toán tiền lương:	91
3.2.3. Ứng dụng phần mềm kế toán:	91
3.2.4. Hoàn thiện chính sách tiền lương và phúc lợi:.....	92
3.2.5. Chế độ kế toán:.....	93
KẾT LUẬN	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO	96

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Tiền lương là phần thu nhập của người lao động trên cơ sở số lượng và chất lượng lao động trong khi thực hiện công việc của bản thân người lao động theo cam kết giữa chủ doanh nghiệp và người lao động. Doanh nghiệp phải tìm cách đảm bảo mức thù lao tương xứng với kết quả của người lao động thúc đẩy họ nâng cao năng suất lao động, gắn bó phần đầu vì doanh nghiệp nhưng cũng đảm bảo tối thiểu hóa chi phí tiền lương trong giá thành để tạo thế cạnh tranh trên thị trường. Ngoài tiền lương chính mà người lao động được hưởng thì các khoản tiền thưởng, phụ cấp, BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ,... là các quỹ xã hội mà người lao động được hưởng nó thể hiện sự quan tâm của xã hội, của doanh nghiệp đến người lao động. Tiền lương và các khoản trích theo lương luôn là vấn đề mà xã hội quan tâm bởi ý nghĩa to lớn của nó.

Đối với doanh nghiệp, tiền lương là một phần chi phí không thể thiếu và nó tác động trực tiếp đến người lao động. Nếu người lao động có mức lương hợp lý sẽ tạo động lực để người lao động có thể hoàn thành tốt công việc của mình, từ đó sẽ tăng năng suất lao động,... Trong tổng số chi phí sản xuất của doanh nghiệp thì chi phí nhân công chiếm tỷ trọng không nhỏ. Vì vậy, doanh nghiệp cần tăng cường công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương phải chính xác, kịp thời để bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động. Từ đó sẽ giúp cho doanh nghiệp tăng năng suất lao động, giảm chi phí nhân công, đẩy mạnh hoạt động sản xuất,....

Đối với người lao động, tiền lương có ý nghĩa rất quan trọng, bởi đó là nguồn thu nhập duy nhất giúp họ đảm bảo cuộc sống của bản thân và gia đình. Một chính sách tiền lương hợp lý không chỉ đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, mà còn là động lực thúc đẩy họ làm việc tích cực, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương đóng vai trò quan trọng trong

quản lý tài chính doanh nghiệp, giúp đảm bảo quyền lợi của người lao động cũng như kiểm soát tốt chi phí lao động.

Cũng giống như các doanh nghiệp khác trên thị trường kinh tế Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng với các hoạt động thương mại dịch vụ của mình cũng đang phát triển và khẳng định mình trong nền kinh tế thị trường trong khu vực. Quy mô của Công ty ngày càng mở rộng và phát triển. Tuy nhiên công ty vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình tính lương và các khoản trích theo lương. Vì vậy công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán tiền lương đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, em quyết định lựa chọn đề tài: “*Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng*” làm khóa luận tốt nghiệp. Nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích thực trạng công tác kế toán tiền lương tại Công ty, đánh giá những mặt tích cực và hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tiền lương, đảm bảo lợi ích cho người lao động và doanh nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu:

Trong nền kinh tế hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển đứng vững trong khu vực thì công tác kế toán phải luôn được củng cố, hoàn thiện để đúng và phù hợp với chế độ hiện hành. Chính vì thế cũng có nhiều công trình nghiên cứu về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương nói riêng. Có thể điểm qua một số nghiên cứu như:

Đề tài của sinh viên Nguyễn Linh Chi (2024), “*Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Phương Nam 86*”, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư. Nghiên cứu này tập trung khảo sát chi tiết quy trình kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp Phương Nam 86, bao gồm các khâu từ chấm công, tính lương, lập bảng thanh toán lương đến việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ. Kết quả cho thấy công

tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Phương Nam 86 được thực hiện khá tốt, đảm bảo tuân thủ quy định của chế độ kế toán hiện hành và phù hợp với điều kiện kinh tế, đặc điểm kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên vẫn còn những tồn tại là phương pháp chấm công còn thủ công chưa áp dụng công nghệ hiện đại, chính sách tiền lương và các khoản tiền thưởng chưa thực sự tạo động lực cho người lao động. Từ thực trạng đó tác giả đã đề xuất một số giải pháp như: ứng dụng phần mềm kế toán vào chấm công và tính lương, đưa ra các chính sách tiền lương và các khoản tiền thưởng phù hợp,...

Đề tài của sinh viên Bùi Thị Thanh Hải (2023), *“Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Hải Nam”*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư. Trong đề tài, tác giả đã chỉ ra được Công ty sử dụng hệ thống sổ sách kế toán theo đúng quy định, thực hiện đúng theo nguyên tắc hạch toán kế toán, phản ánh chính xác các số phát sinh. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập bảng cân đối kế toán, bảng cân đối số phát sinh được tổng hợp một cách chính xác. Tuy nhiên Công ty chưa chú trọng nhiều đến các khoản phụ cấp, khen thưởng cho người lao động. Công tác quản lý lao động còn lỏng lẻo, quy trình tuyển dụng chưa thực sự hiệu quả. Từ thực tế đó, tác giả đã đề ra một số giải pháp như: thưởng kịp thời cho các cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật; tăng cường công tác quản lý thời gian là việc và nâng cao chất lượng lao động,...

Đề tài của sinh viên Nguyễn Thị Lan Anh (2022), *“Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Phát triển Trọng Nghĩa”*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư. Trong đề tài, tác giả đã chỉ ra công tác quản lý nhân sự của Công ty luôn chặt chẽ, có sự đối chiếu việc chấm công đảm bảo tính công bằng cho người lao động. Các chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN luôn được tính toán chính xác, đầy đủ, phân bổ đúng cho từng đối tượng. Tuy nhiên công ty vẫn còn một số hạn chế đang gặp phải như: chưa có sự kết hợp linh hoạt giữa các hình thức trả lương với nhau mà chỉ áp dụng hình thức trả lương theo thời gian dẫn đến việc thanh toán lương còn mất nhiều thời gian. Từ đó, tác giả cũng đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện, đó

là việc Công ty nên kết hợp việc trả lương theo thời gian và việc trả lương theo sản phẩm, tổ chức lao động, tăng cường kiểm tra giám sát và chi trả lương theo đúng trí lực, sức lực người lao động,...

Các đề tài trên đều nêu ra được ưu điểm, nhược điểm và nêu ra được thực trạng và đưa ra các giải pháp để hoàn thiện tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp. Trong quá trình tìm hiểu Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng em nhận thấy công ty còn hạn chế về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Và cũng chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty này. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài :*Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV An Sinh Hùng*” để nghiên cứu làm đề tài khóa luận tốt nghiệp nhằm tìm ra những ưu điểm, nhược điểm của công ty, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

3.1 Mục đích nghiên cứu:

Nghiên cứu về lí luận và thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải trả tại công ty.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Cơ sở lí luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
- Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng
- Đề xuất giải pháp hoàn thiện chế độ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương *Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng*

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính và công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty qua các năm 2023, 2024, 2025, 2026.

- Phạm vi nội dung: Chế độ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

5. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp quan sát: Thực hiện quan sát các hoạt động của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên kế toán tiền lương.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với các kế toán, bộ phận có liên quan tại Công ty.

- Phương pháp thực nghiệm: Thực tập kế toán phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty.

- Phương pháp thống kê: Tập hợp tất cả chứng từ và số liệu cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

- Phương pháp tính toán, phân tích, tổng hợp số liệu.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học:

Đề tài hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về tiền lương và các khoản trích theo lương, nêu lên được các hình thức trả lương, việc sử dụng quỹ tiền lương, và ý nghĩa của tiền lương và các khoản trích theo lương.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Đây là đề tài đầu tiên viết về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng. Kết quả nghiên cứu giúp Công ty thấy rõ thực trạng về kế toán tiền lương tại đơn vị mình. Từ đó, xây dựng được nguồn lực, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người lao động và có cách thức quản lý nguồn lao động một cách hiệu quả. Kết quả của đề tài có thể được sử dụng như nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên, giảng viên và những người quan tâm đến lĩnh vực kế toán tài chính.

7. Bố cục khóa luận:

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Chương 2: Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về tiền lương và các khoản trích theo lương tại các doanh nghiệp

1.1.1. Tiền lương:

1.1.1.1. Khái niệm:

Theo Tổ chức lao động quốc tế (ILO), tiền lương là sự trả công hoặc thu nhập mà có thể biểu hiện bằng tiền và được ấn định bằng thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động, hoặc bằng pháp luật, pháp quy Quốc gia, do người sử dụng lao động phải trả cho người lao động theo Hợp đồng lao động cho một công việc đã được thực hiện hay sẽ phải thực hiện, hoặc những dịch vụ đã làm hoặc sẽ phải làm.

Theo khoản 1, Điều 90 Bộ luật lao động năm 2019: “Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.”

Như vậy, tiền lương được hiểu là số tiền mà người lao động nhận được từ người sử dụng lao động của họ thanh toán lại, tương ứng với số lượng và chất lượng lao động mà họ đã tiêu hao trong quá trình tạo ra của cải trong xã hội.

*** Bản chất của tiền lương**

Tiền lương có bản chất là giá cả sức lao động, được hình thành trên cơ sở giá trị sức lao động thông qua sự thỏa thuận giữa người có sức lao động và người sử dụng lao động. Lương được biểu hiện bằng tiền và được ấn định bằng thỏa thuận hoặc pháp luật quốc gia.

- Tiền lương là biểu hiện bằng tiền của giá trị sức lao động mà người lao động cung ứng cho người sử dụng lao động. Đây cũng là khoản bù đắp hao phí sức lao

động của người lao động, cũng như là kích thích, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và chất lượng công việc.

- Lương được trả theo năng suất lao động và hiệu quả công việc; có chức năng là tiền thù lao, khoản bù đắp hao phí sức lao động của người lao động, lương đóng vai trò kích thích, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và chất lượng công việc.

Tiền lương có vai trò quan trọng trong việc phân phối lại thu nhập xã hội, bảo vệ quyền lợi và nâng cao đời sống của người lao động. Tiền lương cũng chịu sự phân phối của các quy luật kinh tế như cung – cầu, quy luật giá trị,...

1.1.1.2. Vai trò và chức năng:

*** Vai trò:**

- Tái sản xuất sức lao động:

Sức lao động là một dạng công năng sức cơ bắp và tinh thần tồn tại trong cơ thể con người, là một trong các yếu tố thuộc đầu vào của sản xuất. Trong quá trình lao động sức lao động bị hao mòn dần với quá trình lao tạo ra sản phẩm do vậy tiền lương trước hết phải đảm bảo tái sản xuất sức lao động. Đây là yêu cầu tất yếu không phụ thuộc vào chế độ xã hội, là cơ sở tối thiểu đầu tiên đảm bảo sự tác động trở lại của phân phối tới sản xuất.

Sức lao động là yếu tố quan trọng nhất của lực lượng sản xuất để đảm bảo tái sản xuất và sức lao động cũng như lực lượng sản xuất xã hội, tiền lương cần thiết phải đủ nuôi sống người lao động và gia đình họ. Đặc biệt là trong điều kiện lương là thu nhập cơ bản.

Để thực hiện chức năng này, trước hết tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động. Thực hiện trả lương theo việc, không trả lương theo người, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động. Mức lương tối thiểu là nền tảng của chính sách tiền lương và tiền công, có cơ cấu hợp lý về sinh học và xã hội học... Đồng thời người sử dụng lao động không được trả công thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

- Kích thích sản xuất:

Trong quá trình lao động, lợi ích kinh tế là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự hoạt động của con người là động lực mạnh mẽ nhất của tiến bộ kinh tế xã hội. Trong 3 loại lợi ích: xã hội, tập thể, người lao động thì lợi ích cá nhân người lao động là động lực trực tiếp và quan trọng đối với sự phát triển kinh tế.

Lợi ích của người lao động là động lực của sản xuất. Chính sách tiền lương đúng đắn là động lực to lớn nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội. Vì vậy tổ chức tiền lương và tiền công thúc đẩy và khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của lao động bảo đảm sự công bằng và xã hội trên cơ sở thực hiện chế độ trả lương. Tiền lương phải đảm bảo:

- + Khuyến khích người lao động có tài năng
 - + Nâng cao trình độ văn hoá và nghiệp vụ cho người lao động.
 - + Khắc phục chủ nghĩa bình quân trong phân phối, biến phân phối trở thành một động lực thực sự của sản xuất.
- Thước đo giá trị:

Thước đo giá trị là cơ sở điều chỉnh giá cả cho phù hợp. Mỗi khi giá cả biến động, bao gồm cả giá cả sức lao động hay nói cách khác tiền lương là giá cả sức lao động, là một bộ phận của sản phẩm xã hội mới được sáng tạo nên. Tiền lương phải thay đổi phù hợp với sự dao động của giá cả sức lao động.

- Tích lũy:

Bảo đảm tiền lương của người lao động không những duy trì được cuộc sống hàng ngày mà còn có thể dự phòng cho cuộc sống lâu dài khi họ hết khả năng lao động hoặc xảy ra bất trắc.

***Chức năng:**

Trong bất cứ một doanh nghiệp nào, doanh nghiệp sản xuất cũng như doanh nghiệp thương mại, tiền lương thực hiện hai chức năng sau đây:

- Về phương diện xã hội: Trong mọi chế độ xã hội, tiền lương thực hiện chức năng kinh tế cơ bản của nó là đảm bảo tái sản xuất sức lao động cho xã hội. Tuy nhiên mức độ tái sản xuất mở rộng cho người lao động và cách tính, cách trả tiền lương trong mỗi chế độ là khác nhau. Người lao động tái sản xuất sức lao động của mình

thông qua các tư liệu sinh hoạt nhận được từ khoản tiền lương của họ. Để tái sản xuất sức lao động, tiền lương phải đảm bảo tiêu dùng cá nhân người lao động và gia đình họ. Để thực hiện chính sách này trong công tác tiền lương:

+ Nhà nước phải định mức lương tối thiểu; mức lương tối thiểu phải đảm bảo nuôi sống gia đình và bản thân người lao động. Mức lương tối thiểu là nền tảng cho chính sách tiền lương và việc trả lương của các doanh nghiệp, bởi vậy nó phải được thể chế bằng pháp luật buộc mọi doanh nghiệp khi sử dụng lao động phải thực hiện. Mức lương tối thiểu được ấn định theo giá sinh hoạt, đảm bảo cho người lao động làm việc đơn giản nhất trong điều kiện lao động bình thường bù đắp sức lao động giản đơn và một phần tích lũy tái sản xuất sức lao động mở rộng, mức lương tối thiểu làm căn cứ để tính các mức lương cho các loại lao động khác.

+ Mức lương cơ bản khác: Được xác định trên cơ sở mức giá hàng vật phẩm tiêu dùng trong từng trường hợp một, bởi vậy khi giá cả có biến động, đặc biệt khi tốc độ lạm phát cao, phải điều chỉnh tiền lương phù hợp để đảm bảo đời sống của người lao động.

- Về phương diện kinh tế:

Tiền lương là một đòn bẩy kinh tế có tác dụng kích thích lợi ích vật chất đối với người lao động làm cho họ vì lợi ích vật chất của bản thân và gia đình mình mà lao động một cách tích cực với chất lượng kết quả ngày càng cao. Để trở thành đòn bẩy kinh tế, việc trả lương phải gắn liền với kết quả lao động, tổ chức tiền lương phải nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động. Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Bội số của tiền lương phải phản ánh đúng sự khác biệt trong tiền lương giữa loại lao động có trình độ thấp nhất và cao nhất được hình thành trong quá trình lao động. Với chức năng cơ bản nói trên, vai trò của tiền lương được biểu hiện :

- Về mặt kinh tế: Tiền lương đóng vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định trong việc ổn định và phát triển kinh tế gia đình. Nếu tiền không đủ trang trải, mức sống của người lao động bị giảm sút, họ phải kiếm thêm việc làm ngoài doanh nghiệp như vậy có thể làm ảnh hưởng kết quả làm việc tại doanh nghiệp.

ngược lại nếu tiền lương trả cho người lao động lớn hơn hoặc bằng mức lương tối thiểu thì sẽ tạo cho người lao động yên tâm, phấn khởi làm việc, dồn hết khả năng và sức lực của mình cho công việc vì lợi ích chung và lợi ích riêng, có như vậy dân mới giàu, nước mới mạnh.

- Về mặt chính trị xã hội: Có thể nói tiền lương là một nhân tố quan trọng tác động mạnh mẽ nhất, nếu như tiền lương không gắn chặt với chất lượng, hiệu quả công tác, không theo giá trị sức lao động thì tiền lương không đủ đảm bảo để sản xuất, thậm chí tái sản xuất giản đơn sức lao động không đủ để khuyến khích nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ tay nghề. Vì vậy, tiền lương phải đảm bảo các yếu tố cấu thành để đảm bảo nguồn thu nhập, là nguồn sống chủ yếu của người lao động và gia đình họ, là điều kiện để người lao động hưởng lương hoà nhập vào thị trường lao động xã hội .

Để sử dụng đòn bẩy tiền lương đối với người lao động đòi hỏi công tác tiền lương trong doanh nghiệp phải đặc biệt coi trọng. Tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp được công bằng và hợp lý sẽ tạo ra hoà khí cởi mở giữa những người lao động, hình thành khối đoàn kết thống nhất, trên dưới một lòng, một ý chí vì sự nghiệp phát triển và vì lợi ích bản thân người lao động. Chính vì vậy mà người lao động tích cực làm việc bằng cả lòng nhiệt tình, hăng say và họ có quyền tự hào về mức lương họ đạt được.

Ngược lại, khi công tác tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp thiếu tính công bằng và hợp lý thì không những sẽ sinh ra những mâu thuẫn nội bộ thậm chí khá gay gắt giữa người lao động với nhau, giữa những người lao động với cấp quản trị, cấp lãnh đạo doanh nghiệp, có lúc còn có thể dẫn đến sự phá hoại ngầm dẫn đến sự lãng phí to lớn trong sản xuất. Vì vậy, với nhà quản trị doanh nghiệp, một trong những công việc cần được quan tâm hàng đầu là phải theo dõi đầy đủ công tác tiền lương, thường xuyên lắng nghe và phát hiện kịp thời những ý kiến bất đồng hoặc những mâu thuẫn có khả năng xuất hiện trong phân phối tiền lương, tiền thưởng của người lao động qua đó có sự điều chỉnh thoả đáng, hợp lý.

Tóm lại, trong đời sống xã hội, trong doanh nghiệp, tiền lương đóng vai trò đặc biệt quan trọng, nó không chỉ đảm bảo cho đời sống của người lao động,

tái sản xuất sức lao động mà còn là một công cụ để quản lý doanh nghiệp, là đòn bẩy kinh tế hiệu lực. Tuy nhiên, chỉ trên cơ sở áp dụng đúng đắn chế độ tiền lương, đảm bảo các nguyên tắc của nó thì mới phát huy được mặt tích cực và ngược lại sẽ làm ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.1.3. Các hình thức trả lương:

*** Trả lương theo thời gian:**

Chế độ trả lương theo thời gian đơn giản là chế độ trả lương mà tiền lương mỗi người lao động nhận được phụ thuộc vào cấp bậc cao hay thấp, thời gian làm việc thực tế nhiều hay ít.

Cách tính lương theo thời gian:

$$LTT = LCB \times T$$

Trong đó:

- LTT : Tiền lương thực tế người lao động nhận được
- LCB: Tiền lương cấp bậc tính của người lao động
- T: Thời gian thực tế người lao động làm việc (giờ, ngày, tháng).

*** Hình thức trả lương theo sản phẩm:**

Tiền lương trả theo sản phẩm là một hình thức trả lương cơ bản đang áp dụng phổ biến trong khu vực sản xuất hiện nay, tiền lương mà người lao động nhận được phụ thuộc vào số lượng, chất lượng sản phẩm và lượng công việc đã hoàn thành.

Công thức tính:

$$L = ĐG \times Q$$

Trong đó:

- L: Lương tính theo sản phẩm
- ĐG: Đơn giá tiền lương
- Q: Mức sản lượng thực tế

*** Hình thức trả lương khoán:**

Hình thức này chủ yếu áp dụng đối với người lao động làm việc trong ngành nông nghiệp, xây dựng cơ bản, hoặc trong một số ngành khác như công nghệ, dịch

vụ. Lương khoán phù hợp với các công việc có thể hoàn thành trọn vẹn mà không cần trả lương theo từng giai đoạn, chi tiết từng hạng mục.

Công thức tính:

$$TLTT = ĐGK \times QTT$$

Trong đó:

- TLTT: Tiền lương thực tế của công nhân nhận được
- ĐGK: Đơn giá khoán cho một sản phẩm hay một công việc
- QTT: Số lượng sản phẩm được hoàn thành

*** Hình thức trả lương theo doanh thu:**

Trả lương theo doanh thu là hình thức tính lương dựa vào doanh thu mà người lao động tạo ra. Lương theo doanh thu được tính theo quy chế lương hoặc chính sách lương của mỗi doanh nghiệp.

Lương theo doanh thu thường áp dụng cho doanh nghiệp bán lẻ, thương mại, dịch vụ, tiếp thị, bất động sản. Lương theo doanh thu phù hợp với các vị trí nhân viên kinh doanh, nhân viên bán hàng và những công việc khác có liên quan đến doanh thu.

Thời điểm trả lương được thống nhất vào một thời gian định kỳ, do người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận.

Công thức tính:

$$\text{Lương} = \text{Lương cơ bản} + (\text{Doanh thu} \times \text{Tỷ lệ phần trăm})$$

1.1.1.4. Quỹ tiền lương trong doanh nghiệp:

Quỹ tiền lương là tổng số tiền mà một cơ quan, đơn vị, hoặc tổ chức lập ra để chi trả tiền lương cho người lao động theo quy định của pháp luật. Quỹ này bao gồm tất cả các khoản tiền lương mà doanh nghiệp phải trả cho người lao động trong một khoảng thời gian nhất định, thường là hàng tháng hoặc hàng năm.

Thành phần quỹ lương thuộc doanh nghiệp sẽ bao gồm một số khoản:

- Tiền lương sẽ được tính theo thời gian, tiền lương được tính theo sản phẩm và tiền lương khoán
- Tiền lương trả cho người lao động sản xuất ra các sản phẩm hỏng trong phạm vi chế độ quy định

- Tiền lương được sử dụng để trả cho người lao động trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất do một số nguyên nhân khách quan, trong thời gian được điều động đi công tác sẽ làm nghĩa vụ theo các chế độ quy định, theo thời gian nghỉ phép, thời gian học
- Tiền ăn trưa, ăn ca
- Các loại phụ cấp khác như: làm thêm giờ, làm thêm,...
- Các khoản tiền thưởng cho nhân viên có tính chất thường xuyên

Bên cạnh đó, trong quy lương có kế hoạch còn được tính cả khoản tiền chi trợ cấp bảo hiểm xã hội cho công nhân viên trong thời gian ốm đau, thai sản, tai nạn giao thông,...

Để phục vụ cho công tác hạch toán tiền lương trong các doanh nghiệp, có thể chia thành hai loại: tiền lương lao động theo dạng trực tiếp và tiền lương lao động theo dạng gián tiếp. Trong đó, chi tiết sẽ theo hai loại tiền lương đó là: tiền lương chính và tiền lương phụ.

- Tiền lương chính: là phần lương mà nhân sự nhận được hàng tháng, tương ứng với công việc chính của nhân sự đó, bao gồm: tiền lương theo từng cấp bậc, các khoản phụ cấp thường xuyên và một số loại tiền thưởng trong quá trình làm việc.
- Tiền lương phụ: là khoản tiền bổ sung làm thêm vào lương chính, nhân sự có thể nhận được tiền lương phụ khi làm việc ngoài giờ, làm việc trong ngày lễ hoặc khi hoàn thành tốt một dự án nào đó. Cụ thể như tiền lương làm việc trong kỳ nghỉ phép, thời gian đi làm các nghĩa vụ, tiền lương trong khoảng thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất...

1.1.2. Các khoản trích theo lương:

1.1.2.1. Khái niệm:

Các khoản trích theo lương là một phần quan trọng trong việc tính toán thu nhập của một người lao động. Những khoản trích này không chỉ ảnh hưởng đến mức lương thực tế mà người lao động nhận được mà còn ảnh hưởng đến các khoản bảo hiểm mà người lao động được hưởng.

Các khoản trích theo lương thường được quy định trong bộ luật lao động và các quy định liên quan. Hiện nay ở Việt Nam thì những khoản trích theo lương thường là: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

1.1.2.2. Vai trò và chức năng:

*** Vai trò của các khoản trích theo lương:**

Trước hết, đối với người lao động, các khoản trích theo lương là công cụ quan trọng nhằm bảo đảm an sinh xã hội. Thông qua việc tham gia các quỹ bảo hiểm, người lao động được bảo vệ trước các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình lao động và cuộc sống như ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp và tuổi già. Nhờ đó, thu nhập của người lao động được ổn định ở mức nhất định, giúp họ yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp, các khoản trích theo lương thể hiện trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm xã hội đối với người lao động. Việc thực hiện đầy đủ các khoản trích này không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ quy định của Nhà nước mà còn góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút và giữ chân nguồn nhân lực. Đồng thời, các khoản trích theo lương là một bộ phận cấu thành chi phí lao động, có ý nghĩa quan trọng trong công tác hạch toán kế toán và xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với Nhà nước và xã hội, các khoản trích theo lương là công cụ quan trọng để thực hiện chính sách an sinh xã hội, góp phần ổn định kinh tế – xã hội và bảo đảm công bằng xã hội. Thông qua việc hình thành các quỹ bảo hiểm và quỹ công đoàn, Nhà nước có thể hỗ trợ người lao động khi gặp khó khăn, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách và tăng cường quản lý lực lượng lao động trong nền kinh tế.

*** Chức năng của các khoản trích theo lương:**

Thứ nhất, các khoản trích theo lương có chức năng bù đắp thu nhập. Khi người lao động mất hoặc giảm thu nhập do không thể tham gia lao động vì các lý do khách quan, các khoản trợ cấp từ quỹ bảo hiểm sẽ giúp bù đắp một phần hoặc toàn bộ thu nhập bị mất, bảo đảm đời sống tối thiểu cho người lao động và gia đình họ.

Thứ hai, các khoản trích theo lương có chức năng bảo vệ người lao động. Thông qua bảo hiểm y tế và các chế độ bảo hiểm khác, người lao động được chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh và được bảo đảm quyền lợi khi gặp rủi ro trong quá trình lao động. Điều này góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả lao động xã hội.

Thứ ba, các khoản trích theo lương thực hiện chức năng phân phối lại thu nhập. Trên cơ sở nguyên tắc đóng – hưởng, các quỹ bảo hiểm góp phần điều tiết thu nhập giữa các nhóm lao động, hỗ trợ những người gặp rủi ro, qua đó góp phần giảm bất bình đẳng và tăng cường công bằng xã hội.

Cuối cùng, các khoản trích theo lương còn có chức năng quản lý và giám sát lao động. Thông qua việc trích lập và sử dụng các quỹ, Nhà nước và doanh nghiệp có cơ sở để quản lý tiền lương, chi phí lao động cũng như tình hình sử dụng lao động, từ đó xây dựng và điều chỉnh các chính sách lao động – tiền lương phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

1.1.2.3. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương:

*** Bảo hiểm xã hội:**

Bảo hiểm xã hội là một sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người tham gia BHXH khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, khi nghỉ hưu hoặc chết, trên cơ sở đóng vào Quỹ BHXH hoặc do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Thông qua việc đóng góp một phần tiền lương hàng tháng, người tham gia BHXH cùng đóng góp vào quỹ BHXH. Quỹ này được quản lý trên nguyên tắc tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch và được sử dụng cho mục đích chi trả các quyền lợi BHXH cho những người tham gia khi cần thiết, đảm bảo đúng đối tượng và được hạch toán độc lập.

*** Bảo hiểm y tế:**

Bảo hiểm y tế (BHYT) là một hình thức bảo hiểm do Nhà nước tổ chức và quản lý, không vì mục đích lợi nhuận, nhằm chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho toàn dân bằng cách giúp người tham gia chia sẻ rủi ro và chi phí khi ốm đau, bệnh tật, tai nạn. Khi tham gia BHYT, người dân sẽ được cấp một thẻ BHYT có mã số định

danh cá nhân duy nhất, dùng để quản lý thông tin và hưởng quyền lợi khi khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế hợp pháp.

Mục đích chính của BHYT như sau:

+ **Chăm sóc sức khỏe cho người dân:** Đảm bảo mọi người đều có cơ hội tiếp cận các dịch vụ y tế cần thiết.

+ **Giảm gánh nặng tài chính:** Hỗ trợ người tham gia chi trả các chi phí y tế phát sinh khi ốm đau, bệnh tật, giảm thiểu nguy cơ nghèo đói do chi phí y tế cao.

+ **Chia sẻ rủi ro:** Giúp cộng đồng cùng nhau san sẻ những rủi ro về sức khỏe, tạo sự công bằng và bền vững cho hệ thống y tế.

*** Bảo hiểm thất nghiệp:**

Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Tại Việt Nam, bảo hiểm thất nghiệp áp dụng bắt buộc đối với cả người lao động và người sử dụng lao động không chỉ giúp người lao động có thêm một khoản tiền chi tiêu trong thời gian thất nghiệp mà còn hỗ trợ người đó tìm kiếm công việc mới.

*** Kinh phí công đoàn:**

Kinh phí công đoàn là nguồn tài trợ cho hoạt động đoàn ở các cấp, do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trong hoạt động của đơn vị mình. Kinh phí công đoàn được trích theo tỷ lệ **2%** trên tổng số tiền lương mà đơn vị sử dụng lao động phải trả cho người lao động.

Kinh phí công đoàn được sử dụng cho các mục đích sau:

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch cho người lao động.
- Hỗ trợ người lao động trong các trường hợp khó khăn, bệnh tật, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, hỗ trợ cộng đồng.
- Quản lý và phát triển công đoàn.

*** Tỷ lệ trích bảo hiểm :**

Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính trên cơ sở tiền lương tháng của người lao động. Trong đó bao gồm mức đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất; quỹ ốm đau, thai sản; quỹ tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp.

Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc 2025 vào quỹ hưu trí, quỹ ốm đau, thai sản, quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn với người lao động, cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Tỷ lệ trích bảo hiểm

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí doanh nghiệp	Trích vào lương của người lao động	Tổng
1. Bảo hiểm xã hội (BHXH)	17.5%	8%	25.5%
2. Bảo hiểm y tế(BHYT)	3%	1.5%	4.5%
3. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	1%	1%	2%
4. Kinh phí công đoàn(KPCĐ)	2%		2%
Tổng các khoản bảo hiểm	23.5%	10.5%	34%

Theo đó, trên cơ sở lương của người lao động, tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 32% (trong đó người lao động phải đóng 10.5% tiền lương, người sử dụng lao động đóng 21,5% quỹ tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Như vậy dựa trên bảng tóm tắt tỷ lệ trích các khoản trích theo lương năm 2024 thì tổng người lao động phải chịu 10,5% trừ vào lương, còn doanh nghiệp chịu 23.5% được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, nếu người lao động là đoàn viên công đoàn thì phải đóng đoàn phí công đoàn với mức đóng căn cứ Điều 23 Quy định quản lý tài chính, tài sản công đoàn; thu, phân phối nguồn thu và thưởng, phạt thu nộp tài chính công đoàn ban hành kèm theo Quyết định 1908/QĐ-TLĐ như sau:

- Bằng 1% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội đối với đoàn viên ở các công đoàn cơ sở cơ quan nhà nước; Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp hưởng lương theo bảng lương, bậc lương do Nhà nước quy định;

- Bảng 1% tiền lương thực lĩnh (tối đa hàng tháng chỉ bằng 10% mức lương cơ sở) đối với đoàn viên ở các công đoàn cơ sở doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả công đoàn Công ty cổ phần nhà nước giữ cổ phần chi phối);
- Bảng 1% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội (tối đa hàng tháng chỉ bằng 10% mức lương cơ sở) đối với đoàn viên ở các công đoàn cơ sở doanh nghiệp ngoài nhà nước (bao gồm cả công đoàn Công ty cổ phần mà nhà nước không giữ cổ phần chi phối); Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập hưởng tiền lương không theo bảng lương, bậc lương do Nhà nước quy định; Liên hiệp hợp tác xã; Các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; Văn phòng điều hành của phía nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam; Đoàn viên công đoàn công tác ở nước ngoài.

1.2. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:

1.2.1. Kế toán tiền lương:

1.2.1.1. Chứng từ kế toán:

- Bảng chấm công
- Bảng phụ cấp, trợ cấp
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 334: Phải trả người lao động:

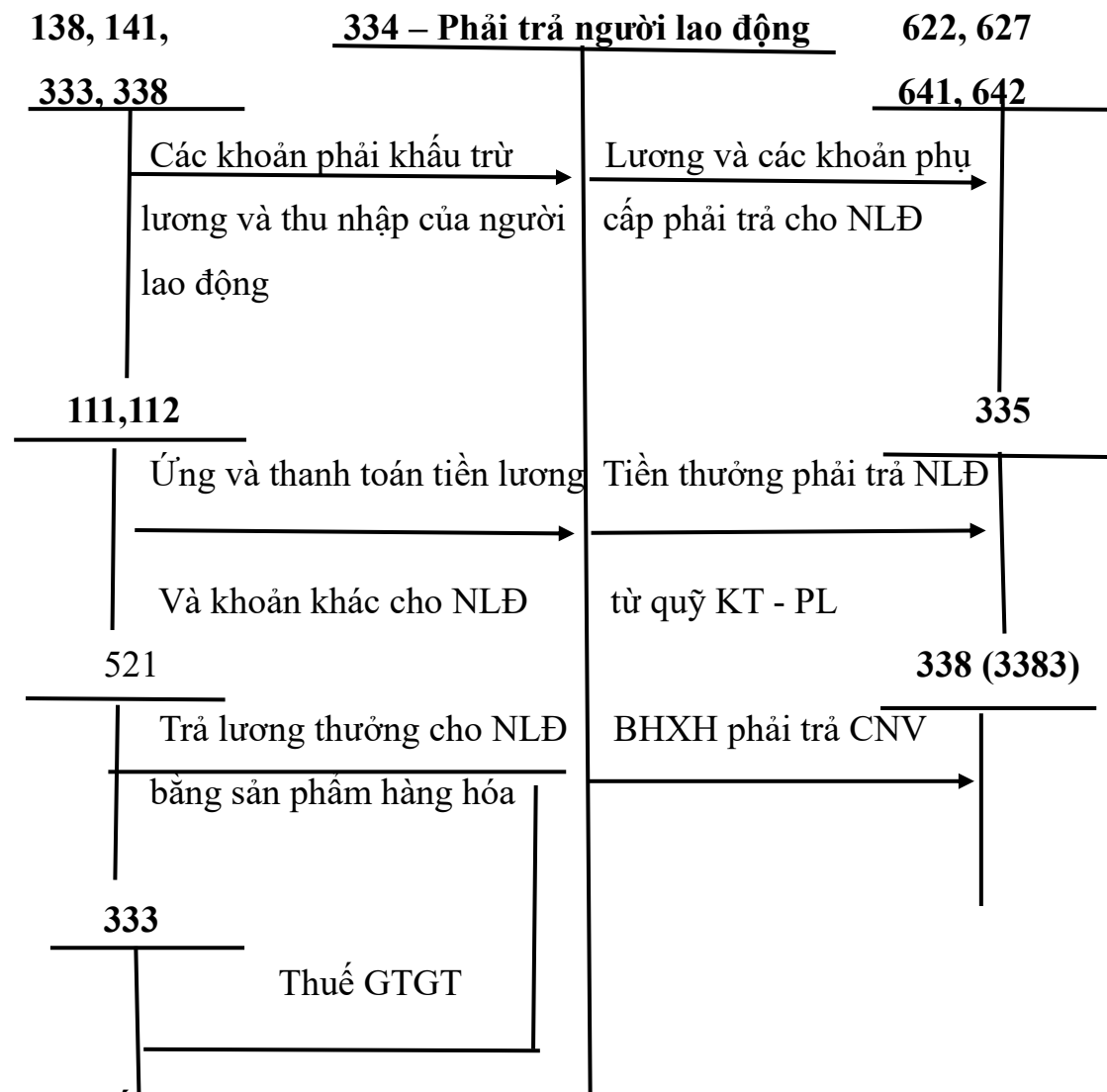
Dùng để phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động của doanh nghiệp về tiền lương, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.

Bảng 1.2. Kết cấu TK 334

Nợ	TK 334	Có
		SDĐK: Tiền lương, tiền công, BHXH và các khoản khác còn phải trả người lao động.
- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản đã trả, đã chi, tạm ứng trước cho người lao động - Các khoản khấu trừ vào lương của người lao động		- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản khác phải trả, phải chi cho người lao động phát sinh trong kì.
		SDCK: Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản khác còn phải trả cho người lao động.

1.2.1.3. Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền lương



1.2.2. Kế toán các khoản trích theo lương:

1.2.2.1. Chứng từ kế toán:

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 338: Phải trả, phải nộp khác

Được sử dụng để phản ánh các khoản phải trả, phải nộp không nằm trong phạm vi đã quy định ở các tài khoản từ TK 331 đến TK 337. Đồng thời, TK này cũng được dùng để hạch toán doanh thu nhận trước đối với dịch vụ đã cung cấp

và các khoản chênh lệch giá phát sinh trong giao dịch bán – thuê lại tài sản (dưới hình thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động).

Các TK cấp 2 dùng để hạch toán các khoản trích theo lương:

- *Tài khoản 3381 – Tài sản thừa chờ giải quyết*: Phản ánh giá trị tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân, còn chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền. Trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì được ghi ngay vào các tài khoản liên quan, không hạch toán qua tài khoản 338 (3381).

- *Tài khoản 3382 – Kinh phí công đoàn*: Phản ánh tình hình trích và thanh toán kinh phí công đoàn ở đơn vị.

- *Tài khoản 3383 – Bảo hiểm xã hội*: Phản ánh tình hình trích và thanh toán bảo hiểm xã hội ở đơn vị.

- *Tài khoản 3384 – Bảo hiểm y tế*: Phản ánh tình hình trích và thanh toán bảo hiểm y tế ở đơn vị.

- *Tài khoản 3386 – Bảo hiểm thất nghiệp*: Phản ánh tình hình trích và thanh toán bảo hiểm thất nghiệp ở đơn vị.

- *Tài khoản 3387 – Doanh thu chờ phân bổ*: Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chờ phân bổ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu chờ phân bổ gồm các khoản doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Các khoản doanh thu chờ phân bổ khác như: Khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống,...

- *Tài khoản 3388 – Phải trả, phải nộp khác*: Phản ánh các khoản phải trả khác của đơn vị ngoài nội dung các khoản phải trả đã phản ánh trên các tài khoản khác từ TK 3381 đến TK 3387.

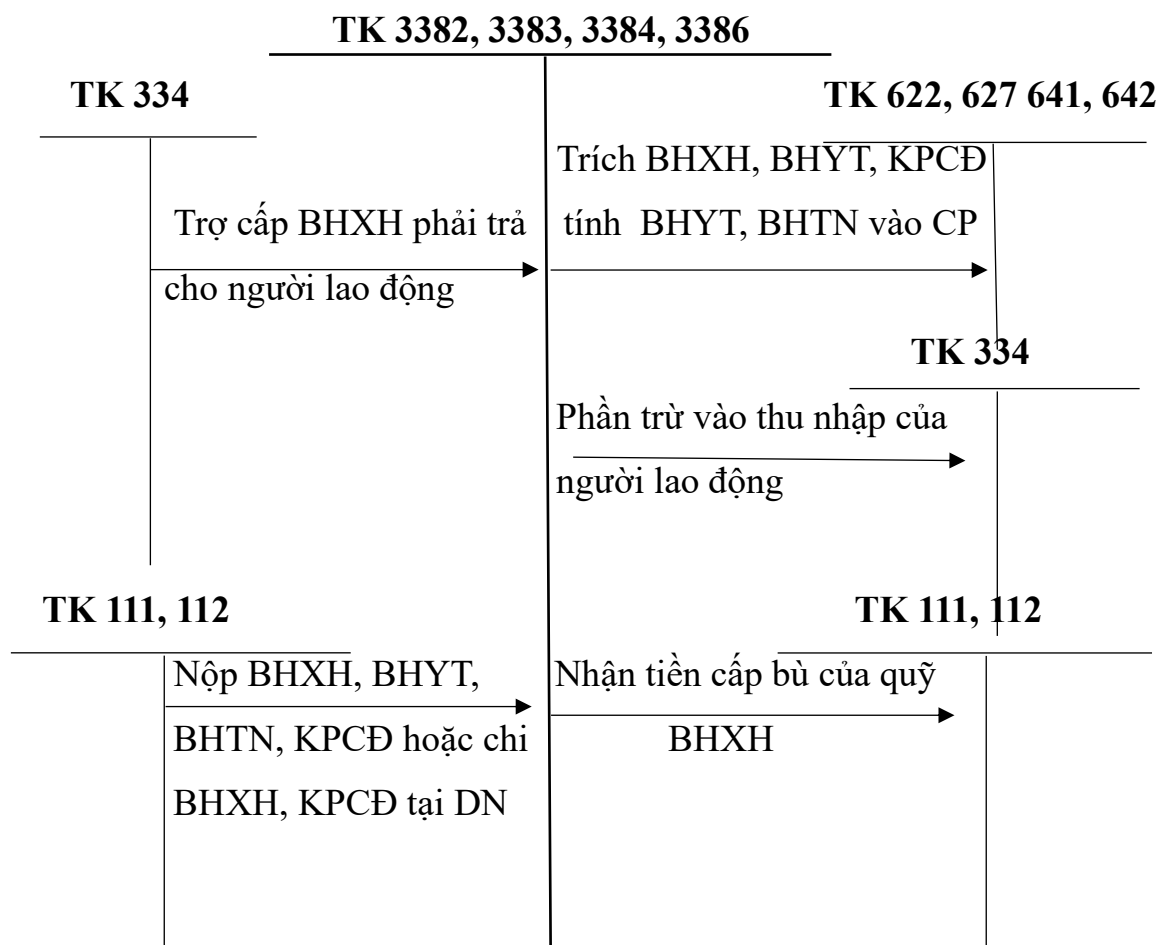
Bảng 1.3. Kết cấu TK 338

Nợ	TK 338 (3382, 3383, 3384, 3386)	Có
		SĐĐK: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã trích chưa nộp cho cơ

	quan quản lý hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị chi chưa hết
- BHXH trả cho CNV - KPCĐ chi tại đơn vị - Số BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã nộp cho cơ quan Nhà nước	- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính vào chi phí sản xuất kinh doanh. - BHTN, BHYT, KPCĐ, BHTN khấu trừ vào lương CNV - KPCĐ vượt chi được cấp bù - Số BHXH đã chi trả CNV khi được cơ quan Bảo hiểm thanh toán.
	SDCK: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị chi chưa hết.

1.2.2.3. Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kế toán các khoản trích theo lương



1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

* Nguyên tắc ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

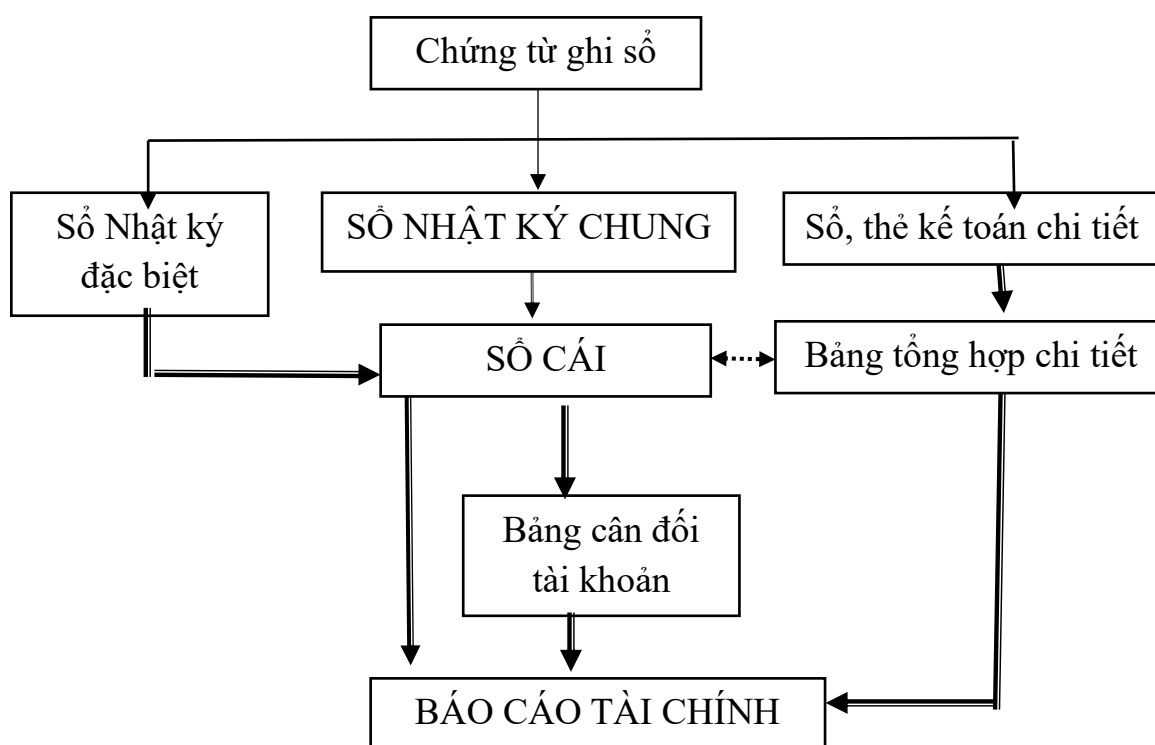
* Hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- + Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.
- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



- > : Ghi hàng ngày
 =====> : Ghi cuối tháng, hoặc định kì
 <-----> : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:

* Nguyên tắc ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Sổ cái:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

* Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ cái;
- Các sổ, Thẻ kế toán chi tiết

* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:

- Căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản

ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – Sổ cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

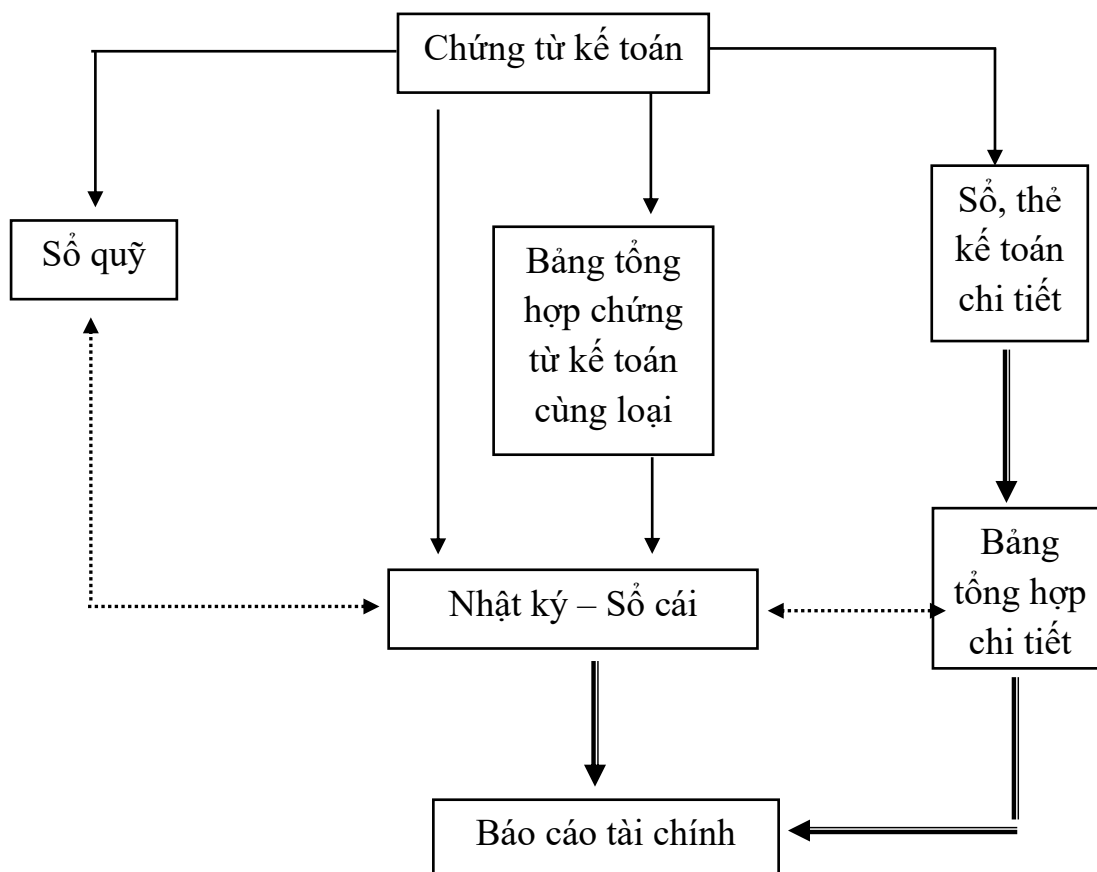
- Sau khi đã phản ánh toán bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ liên quan chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ cái

- Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong sổ Nhật ký – Sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tổng số tiền của cột “Phát = Tổng số phát sinh Nợ của = Tổng số phát sinh Có sinh” ở phần Nhật ký tất cả các Tài khoản của tất cả các tài khoản
Tổng số dư Nợ các Tài khoản = Tổng số dư Có các Tài khoản

- Các sổ, các thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên sổ Nhật ký – Sổ cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



————→ : Ghi hàng ngày

————→ : Ghi cuối tháng

◄-----► : Đối chiếu, kiểm tra

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

* Nguyên tắc ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số liệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

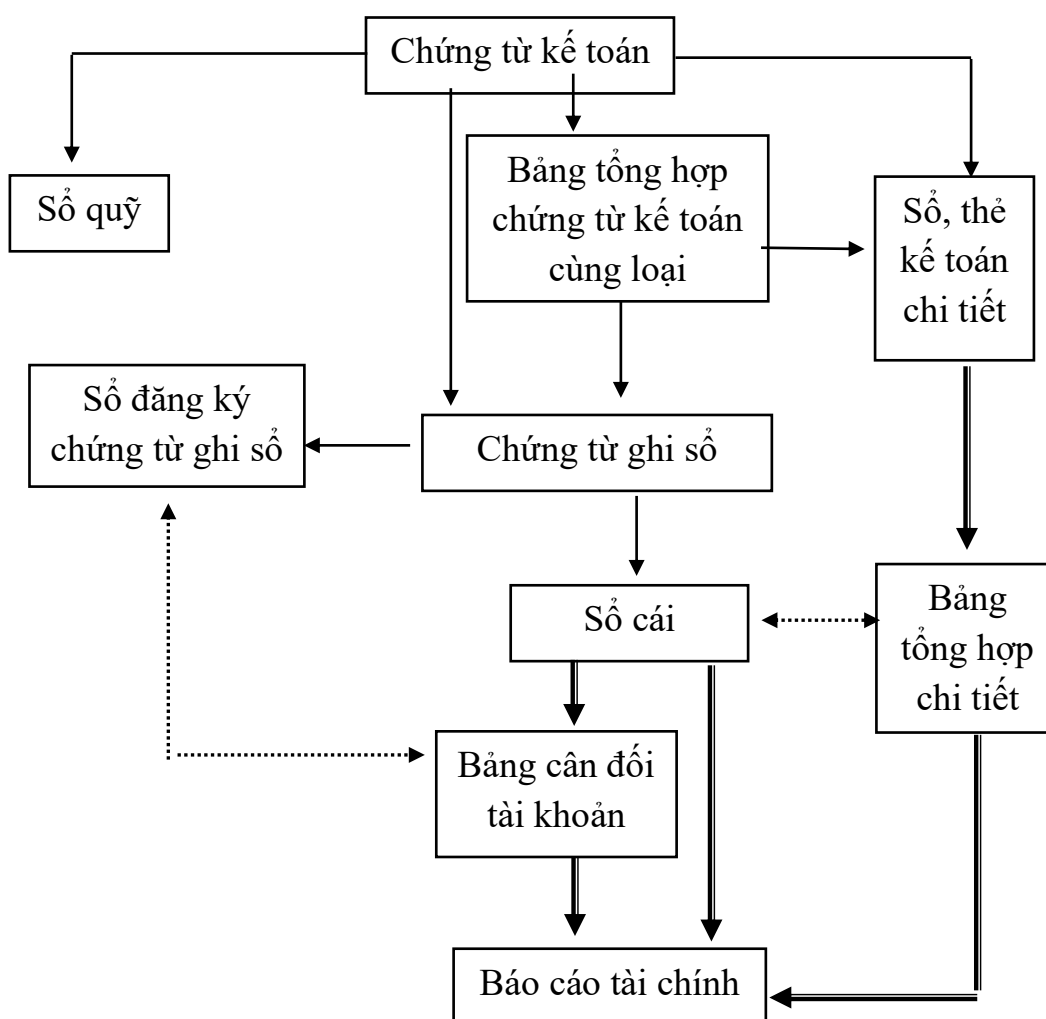
* Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

- Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.
- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư từng tài khoản trên Sổ cái và Sổ cái lập Bảng cân đối tài khoản.
- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.5. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



—→ : Ghi hàng ngày

==> : Ghi cuối tháng

◄-----► : Đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:

* Đặc trưng của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chi tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

* Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm:

+ Nhật ký chứng từ;

+ Bảng kê;

+ Sổ cái;

+ Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ kế toán hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

- Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký – Chứng từ có liên quan.

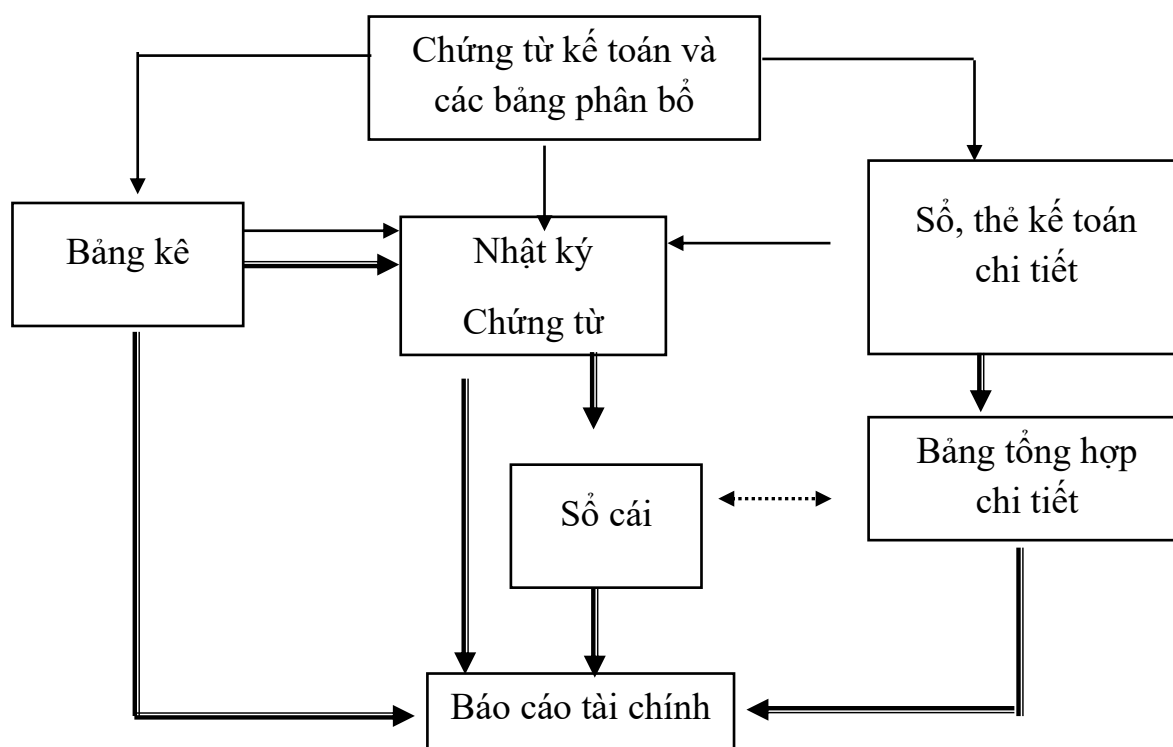
- Đối với các Nhật ký – Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – Chứng từ.

- Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký – Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.

- Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ cái.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký – Chứng từ



—→ : Ghi hàng ngày

==→ : Ghi cuối tháng

◄.....► : Đối chiếu, kiểm tra

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

* Đặc trưng của hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp với hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

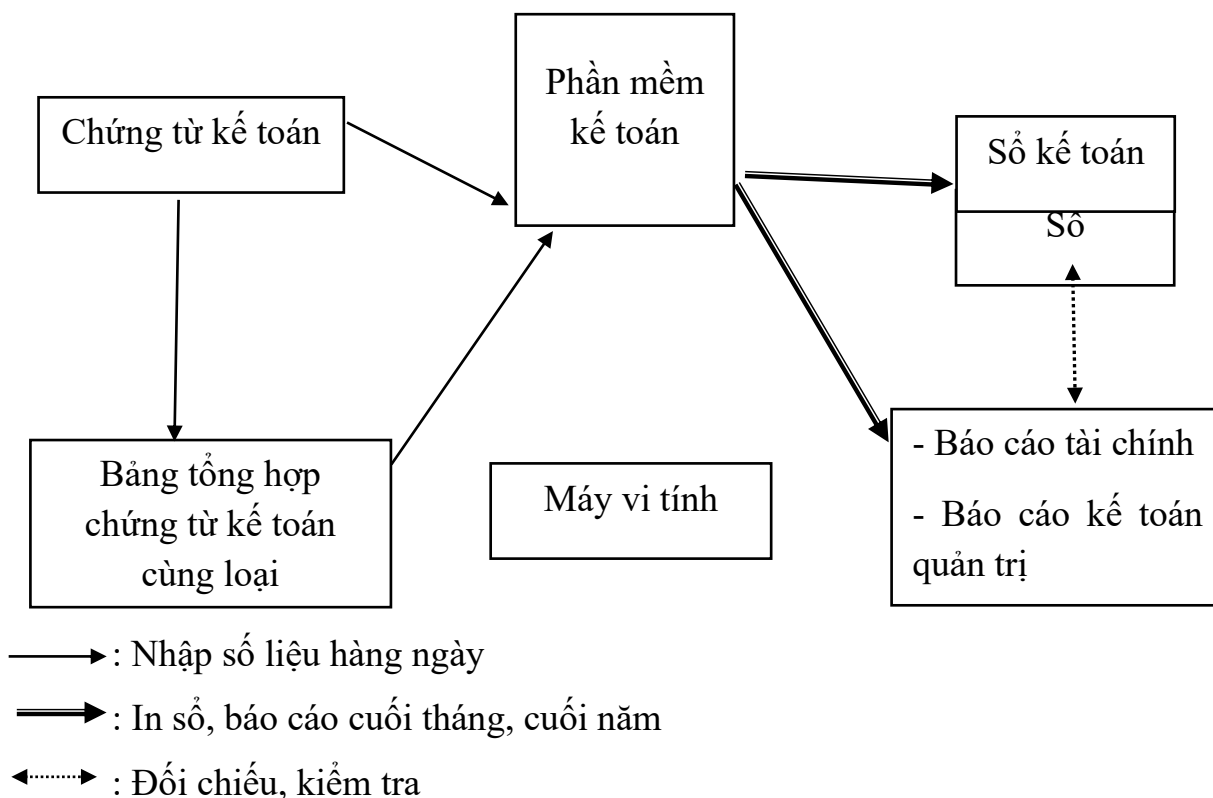
* Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

* Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.
- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái,...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa sổ liệu tổng hợp với sổ liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.
- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Chương 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN SINH HÙNG

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:

**** Thông tin khái quát về Công ty:***

- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng
- Giám đốc: Nguyễn Mạnh Hùng
- Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
- Mã số thuế: 2700614778
- Hình thức sở hữu vốn: Vốn chủ sở hữu
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH ngoài Nhà nước

**** Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty:***

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng bắt đầu hoạt động ngày 12 tháng 09 năm 2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700614778 Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12 tháng 09 năm 2011. Cơ quan thuế đang quản lý là chi Cục Thuế tỉnh Ninh Bình. Hiện tại Công ty do ông Nguyễn Mạnh Hùng làm đại diện pháp luật. Công ty được thành lập với đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được phép vay và mở tài khoản tại các ngân hàng. Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH theo quy định của Luật doanh nghiệp và hệ thống pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trong những năm đầu đi vào hoạt động, công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực liên quan đến thương mại, cung cấp thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Đây là những lĩnh vực có tiềm năng phát triển lớn trong bối cảnh nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị và dịch vụ ngày càng tăng tại địa phương cũng

như các khu vực lân cận. Mặc dù mức phát sinh các khoản chi phí trong quá trình hoạt động là khá lớn, không thể cạnh tranh với những thương hiệu đã có tên tuổi trên thị trường. Nhưng sau đó với sự cố gắng và nỗ lực không ngừng của Công ty và toàn thể nhân viên, Công ty đã khắc phục được những khó khăn và từng bước phát triển, đưa công ty lên một vị thế mới

Công ty đã từng bước mở rộng quy mô kinh doanh và phát triển trên thị trường. Công ty cũng tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài tỉnh, mở rộng các hoạt động thương mại và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Nhờ đó, doanh thu và quy mô hoạt động của công ty từng bước được cải thiện và phát triển, giúp nâng cao đời sống của người lao động tại Công ty.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội tại địa phương. Điều này không chỉ góp phần nâng cao uy tín của doanh nghiệp mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của tỉnh Ninh Bình.

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:

*** Chức năng của Công ty:**

- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp, phục vụ cho các hoạt động vận chuyển, kho bãi và sản xuất trong các doanh nghiệp, công trình xây dựng và khu công nghiệp.

- Kinh doanh thương mại các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, đáp ứng nhu cầu sử dụng máy móc sản xuất và xây dựng của các tổ chức và cá nhân

- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ xây dựng, đặc biệt là hoạt động chuẩn bị mặt bằng cho các công trình xây dựng

- Cung cấp các dịch vụ phục vụ đời sống bao gồm kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe như tắm hơi, massage nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi và giải trí của khách hàng

- Tiếp tục duy trì ổn định khách hàng cũ, tìm hiểu, nghiên cứu, phát triển, mở rộng thị trường và tìm kiếm những khách hàng tiềm năng.

*** Nhiệm vụ của Công ty:**

- Tổ chức và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng kí

- Xây dựng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác, khách hàng và nhà cung cấp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và vị thế của doanh nghiệp trên thị trường;

- Quản lí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp như vốn, lao động, máy móc thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động và tối đa hóa lợi nhuận;

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng phục vụ để tạo uy tín và thương hiệu cho doanh nghiệp;

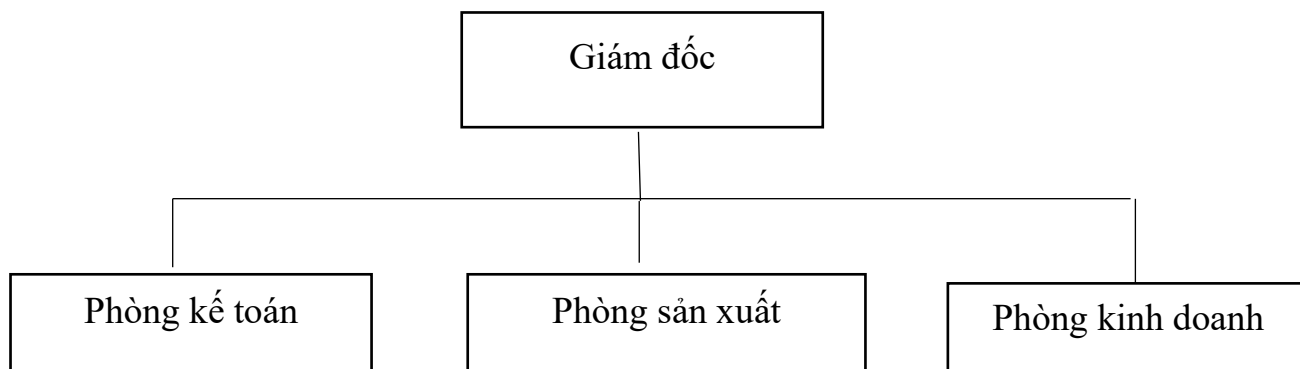
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước như nộp thuế, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo quyền lợi và chế độ cho người lao động theo quy định.

- Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc của đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty trong tương lai.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng được thiết lập để đảm bảo hoạt động hiệu quả và phân chia phù hợp:

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



*** Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:**

- *Giám đốc:* Là người đứng đầu công ty và có vị trí và thẩm quyền cao nhất Công ty, chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty, phụ trách trực tiếp các phòng ban.

- *Phòng kế toán:* Tổ chức và thực hiện toàn bộ công tác kế toán – tài chính trong doanh nghiệp. Bộ phận này chịu trách nhiệm thu thập, xử lý và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty một cách đầy đủ và chính xác. Đồng thời, phòng kế toán còn theo dõi tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí nhằm phản ánh trung thực kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó còn lập thực hiện việc lập các báo cáo tài chính định kỳ, kê khai và nộp các loại thuế theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, phòng còn có vai trò tham mưu cho ban lãnh đạo trong việc quản lý tài chính, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

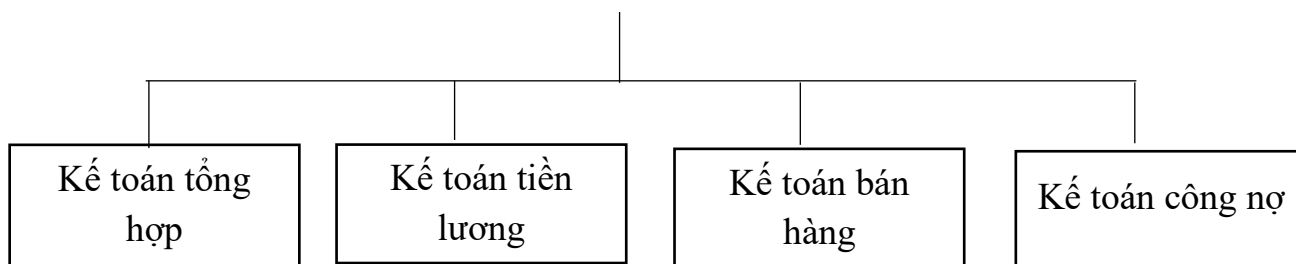
- *Phòng kinh doanh:* là phòng có nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường và xây dựng các kế hoạch kinh doanh cho công ty. Bộ phận này chịu trách nhiệm quảng bá sản phẩm, đàm phán và ký kết hợp đồng với khách hàng, đồng thời chăm sóc và duy trì mối quan hệ với các đối tác.

- *Phòng sản xuất:* là phòng chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và thực hiện các hoạt động sản xuất sản phẩm, đảm bảo quy trình sản xuất diễn ra suôn sẻ, hiệu quả và đạt chất lượng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:

** Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty:*

Kế toán trưởng



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Kế toán trưởng: là người đứng đầu bộ máy kế toán, có trách nhiệm tổ chức, điều hành và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán trong công ty. Đồng thời, kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về tính trung thực, hợp lý của thông tin tài chính; tham mưu cho lãnh đạo trong việc quản lý tài chính và đưa ra các quyết định kinh doanh.

Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ tổng hợp số liệu từ các phần hành kế toán, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ chi tiết và sổ tổng hợp. Ngoài ra, kế toán tổng hợp còn thực hiện lập báo cáo tài chính định kỳ, phân tích tình hình tài chính và cung cấp thông tin cho kế toán trưởng.

Kế toán tiền lương: chịu trách nhiệm theo dõi, tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho người lao động. Đồng thời, lập bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương và thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ cho người lao động.

Kế toán bán hàng: có nhiệm vụ ghi nhận doanh thu bán hàng, theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của công ty. Ngoài ra, kế toán bán hàng còn lập hóa đơn, theo dõi công nợ khách hàng và phối hợp với các bộ phận liên quan để thu hồi công nợ.

Kế toán công nợ: chịu trách nhiệm theo dõi các khoản phải thu, phải trả của công ty. Nhiệm vụ chính bao gồm kiểm tra, đối chiếu công nợ với khách hàng và nhà cung cấp, đơn đốc thu hồi nợ và đảm bảo thanh toán đúng hạn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

** Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty:*

Tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng, chính sách kế toán được áp dụng như sau:

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty thực hiện theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá xuất kho: Tính theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng phương pháp khấu trừ

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng

=> Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

* Đặc điểm tổ chức công tác tổ chức các khoản trích theo lương tại Công ty:

Các khoản trích theo lương là một bộ phận quan trọng trong công tác kế toán tiền lương, có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp cũng như quyền lợi của người lao động. Tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ An Sinh Hùng, công tác tổ chức các khoản trích theo lương được thực hiện tương đối chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Trước hết, công ty thực hiện trích các khoản theo lương bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo đúng tỷ lệ quy định của Nhà nước. Các khoản này được tính trên cơ sở tiền lương tham gia bảo hiểm của người lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi về an sinh xã hội.

Về tổ chức thực hiện, công tác các khoản trích theo lương được giao cho kế toán tiền lương phụ trách. Kế toán có nhiệm vụ căn cứ vào bảng lương và các quy định hiện hành để tính toán chính xác số tiền phải trích nộp, đồng thời lập các bảng kê, chứng từ liên quan phục vụ cho việc hạch toán và nộp các khoản này đúng thời hạn.

Bên cạnh đó, công ty thực hiện việc hạch toán các khoản trích theo lương theo đúng chế độ kế toán. Các khoản trích này được ghi nhận vào chi phí sản xuất

kinh doanh trong kỳ, đồng thời phản ánh vào các tài khoản liên quan như tài khoản phải trả, phải nộp khác. Việc ghi chép được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho công tác quản lý.

Ngoài ra, công ty thường xuyên đối chiếu số liệu với cơ quan bảo hiểm xã hội để đảm bảo tính chính xác và tránh phát sinh sai sót. Việc nộp các khoản trích theo lương được thực hiện đúng thời hạn quy định, góp phần nâng cao uy tín của doanh nghiệp và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Tóm lại, công tác tổ chức các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ An Sinh Hùng được thực hiện một cách khoa học, tuân thủ quy định pháp luật, phân công rõ ràng và đảm bảo tính chính xác, kịp thời. Điều này góp phần quan trọng trong việc quản lý chi phí và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với người lao động và Nhà nước.

2.1.5. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty:

Bảng 2.1: Tình hình tài chính kinh doanh của Công ty

(Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch năm 2024 so với năm 2023		Chênh lệch năm 2025 so với năm 2024	
				Số tuyệt đối	Số tương đối	Số tuyệt đối	Số tương đối
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	6.000.000.000	6.850.000.000	7.800.000.000	850.000.000	114,17%	950.000.000	113,89%
2. Tài sản cố định	1.456.571.572	1.952.657.751	2.571.751.576	496.086.179	134,06%	619.093.825	131,71%
3. Doanh thu	28.486.268.751	29.572.369.147	31.759.257.135	1.086.100.396	103,81%	2.186.887.988	107,4%
4. Lợi nhuận sau thuế	1.723.358.145	2.582.466.574	3.357.789.254	859.108.429	149,85%	775.322.680	130,02%
5. Số lao động	26	30	32	4	115,38%	2	106,67%
6. TNBQ/người/tháng	10.537.749	11.058.324	11.853.746				

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Qua bảng số liệu trên có thể thấy tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng trong giai đoạn 2023 – 2025 có xu hướng tăng trưởng tương đối ổn định.

- Nguồn vốn chủ sở hữu: Có thể thấy vốn chủ sở hữu qua các năm đều tăng dần, năm 2023 đạt 6.000.000.000 đồng, năm 2024 đạt 6.850.000.000 tăng 850.000.000 tương ứng tăng 14,17% so với năm 2023 và năm 2025 đạt 7.800.000.000 đồng tăng 950.000.000 đồng tương ứng tăng 13,89% so với năm 2024, sự gia tăng này cho thấy doanh nghiệp ngày càng củng cố năng lực tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

- Tài sản cố định của Công ty năm 2023 đạt 1.456.571.572 đồng, năm 2024 đạt 1.952.657.751 đồng tăng 496.086.179 đồng tương ứng tăng 34,06%, đến năm 2025 đạt 2.571.751.576 đồng tăng 619.093.825 đồng tương ứng tăng 31,71%.

- Doanh thu của công ty cũng tăng trưởng qua các năm, có thể thấy doanh thu năm 2023 đạt 28.486.268.751 đồng. Đến năm 2024, doanh thu tăng lên 29.572.369.147 đồng, tăng 1.086.100.369 tương ứng tăng 3,81% so với năm 2023. Sang năm 2025, doanh thu tiếp tục tăng 31.759.257.135 đồng, tăng 2.186.887.988 đồng tương ứng tăng 6,91%. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty đang phát triển ổn định.

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng có xu hướng tăng qua các năm. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 1.723.358.145 đồng, năm 2024 đạt 2.582.466.574 đồng tăng 859.108.429 đồng tương ứng tăng 49,85% đến năm 2025 lợi nhuận sau thuế đạt 3.357.789.254 đồng tăng 775.322.680 đồng tương ứng tăng 30,02%.

- Bên cạnh đó, số lượng lao động cũng tăng qua từng năm, năm 2023 số lao động là 26 người đến năm 2024 số lao động đã tăng lên 30 người và năm 2025 số lao động tăng lên là 32 người. Thu nhập bình quân năm 2023 là 10.537.749 đồng/ người/ tháng, năm 2024 thu nhập bình quân đạt 11.058.324 đồng/ người/ tháng và năm 2025 đạt 11.853.746 đồng/ người/ tháng. Điều này chứng tỏ công ty đã và đang hoạt động hiệu quả, nâng cao thu nhập cho công nhân viên.

Tóm lại, tình hình hoạt động của công ty trong 3 năm qua đều đạt kết quả khá tốt. Điều này cho thấy công ty đang từng bước phát triển, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

2.2.1. Đặc điểm về lao động tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:

Lao động là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ An Sinh Hùng, lực lượng lao động được tổ chức tương đối hợp lý, phù hợp với đặc điểm hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

Bảng 2.2: Tình hình lao động tại Công ty

Chỉ tiêu	2026	
	Số người	Cơ cấu (%)
1. Tổ chức lao động		
Lao động trực tiếp	20	57,14%
Lao động gián tiếp	15	42,86%
2. Trình độ lao động		
Trên đại học	6	17,14%
Đại học và cao đẳng	20	57,14%
Trung cấp + Lao động phổ thông	9	25,71%
3. Cơ cấu về giới tính		
Nam	26	74,29%
Nữ	9	25,71%

Năm 2026, tổng số lao động của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng là 35 người. Cơ cấu lao động của công ty được phân bố tương đối hợp lý, phù hợp với đặc điểm hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ.

Xét theo tính chất lao động, lao động trực tiếp chiếm 20 người, tương ứng 57,14%, trong khi lao động gián tiếp là 15 người, chiếm 42,86%. Tỷ trọng lao động trực tiếp chiếm ưu thế cho thấy công ty tập trung chủ yếu vào các hoạt động trực tiếp tạo ra doanh thu như kinh doanh, bán hàng, kho vận và giao nhận hàng hóa. Trong khi đó, lao động gián tiếp chiếm tỷ lệ thấp hơn, đảm nhận các công việc quản lý, kế toán và hành chính. Cơ cấu này được đánh giá là phù hợp với mô hình doanh nghiệp thương mại.

Xét theo trình độ lao động, lao động có trình độ đại học và cao đẳng chiếm tỷ trọng lớn nhất với 57,14% (20 người), tiếp đến là lao động trung cấp và phổ thông chiếm 25,71% (9 người), và lao động trên đại học chiếm 17,14% (6 người). Cơ cấu này phản ánh chất lượng nguồn nhân lực của công ty ở mức khá cao, trong đó đội ngũ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên chiếm phần lớn, đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong các bộ phận như kinh doanh, kế toán và quản lý.

Xét theo cơ cấu giới tính, lao động nam chiếm 74,29% (26 người), trong khi lao động nữ chiếm 25,71% (9 người). Sự chênh lệch này phản ánh đúng đặc thù công việc của công ty, đặc biệt là các hoạt động liên quan đến kho vận và giao nhận hàng hóa, đòi hỏi sức khỏe và khả năng làm việc linh hoạt. Lao động nữ chủ yếu làm việc tại các bộ phận văn phòng như kế toán và hành chính.

Cơ cấu lao động của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ An Sinh Hùng tương đối hợp lý, phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh, với tỷ trọng lao động trực tiếp cao và trình độ chuyên môn khá tốt. Ta thấy cơ cấu lao động của Công ty tương đối hợp lý và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty.

** Đặc điểm về quản lý lao động:*

Công tác quản lý lao động tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ An Sinh Hùng được tổ chức tương đối chặt chẽ và phù hợp với quy mô cũng như đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ.

Trước hết, công ty thực hiện quản lý lao động theo mô hình trực tuyến – chức năng, trong đó mỗi bộ phận như kinh doanh, kế toán, kho vận và hành chính đều có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Người lao động được bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc và hạn chế sự chông chéo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, công ty áp dụng hình thức quản lý lao động thông qua nội quy, quy chế làm việc cụ thể, bao gồm quy định về thời gian làm việc, kỷ luật lao động, trách nhiệm công việc và đánh giá hiệu quả làm việc. Việc chấm công, theo dõi ngày công và tính lương được thực hiện tương đối đầy đủ, đảm bảo tính công bằng và minh bạch cho người lao động.

Ngoài ra, công ty còn chú trọng đến việc quản lý lao động gắn với hiệu quả công việc. Người lao động, đặc biệt là bộ phận kinh doanh, thường được đánh giá dựa trên kết quả thực hiện công việc như doanh số, hiệu suất làm việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Điều này góp phần tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

Công tác quản lý tại công ty còn được thực hiện thông qua hệ thống quy chế, nội quy làm việc và các quy định của pháp luật. Việc tổ chức quản lý chặt chẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt tiến độ thực hiện các dự án, nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo quyền lợi của người lao động cũng như nghĩa vụ đối với Nhà nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số: 05/2026/HĐLD

Hôm nay, ngày 01/01/2026, tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng, chúng tôi gồm có:

Bên A: Người sử dụng lao động

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, Đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0915.895.599

Đại diện: **Nguyễn Mạnh Hùng** Chức vụ: giám đốc Quốc tịch: Việt Nam

Bên B: Người lao động

Ông/ bà: **Lã Phạm Hồng Hảo** Quốc tịch: Việt Nam

Ngày sinh: 27/05/2000

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Điều 1: Nội dung công việc:

- Bên B nhận thực hiện công việc theo yêu cầu của bên A
- Thời hạn hợp đồng lao động: Không
- Địa điểm làm việc: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

(Địa điểm làm việc có thể thay đổi theo sự điều động, phân công của Người sử dụng lao động).

Điều 2: Chất lượng và tiến độ công việc:

- Bên B có trách nhiệm hoàn thành công việc theo đúng yêu cầu về chất lượng, tiến độ mà Bên A đặt ra.
- Nếu không đạt yêu cầu, Bên A có quyền yêu cầu chỉnh sửa hoặc từ chối thanh toán

Điều 3: Quyền lợi của người lao động:

- Tiền lương: Lương CB + phụ cấp khác – các khoản giảm trừ (nếu có)
- Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Bảo hiểm: Tham gia theo Luật BHXH quy định
- Thời điểm thanh toán: Được trả lương vào các ngày từ 01 đến 10 hàng tháng

Điều 3: Trách nhiệm của các bên:

- Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu, công cụ cần thiết cho Bên B (nếu có).
- Bên B tự chịu trách nhiệm về phương tiện, công cụ lao động cá nhân và an toàn lao động.
- Bên B cam kết thực hiện công việc một cách trung thực, đảm bảo tiến độ.

Điều 4: Điều khoản thi hành:

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng theo luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có giá trị từ ngày ký.
- Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG*(Ký, đóng dấu)***NGƯỜI LAO ĐỘNG***(Ký, ghi rõ họ tên)*

2.2.2. Hình thức trả lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:

2.2.2.1. Nguyên tắc tính trả lương:

Trong hoạt động quản lý lao động và tiền lương, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ An Sinh Hùng luôn chú trọng xây dựng hệ thống trả lương hợp lý, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Việc tính và trả lương tại công ty được thực hiện dựa trên một số nguyên tắc cơ bản như sau:

Trước hết, công ty thực hiện nguyên tắc trả lương gắn liền với kết quả và hiệu quả lao động. Mức lương của người lao động được xác định căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành, năng suất lao động cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Điều này góp phần khuyến khích người lao động nâng cao tinh thần trách nhiệm, cải thiện năng suất và chất lượng công việc.

Bên cạnh đó, nguyên tắc công bằng và hợp lý trong trả lương luôn được đảm bảo. Công ty xây dựng thang bảng lương phù hợp với từng vị trí công việc, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của người lao động. Những lao động có trình độ cao, đảm nhận công việc phức tạp hoặc có trách nhiệm lớn sẽ được hưởng mức lương tương xứng, qua đó tạo sự công bằng nội bộ và hạn chế sự chênh lệch không hợp lý.

Ngoài ra, việc trả lương tại công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Công ty đảm bảo mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ liên quan như tiền lương làm thêm giờ, phụ cấp, các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp).

Một nguyên tắc quan trọng khác là việc trả lương được thực hiện dựa trên thỏa thuận trong hợp đồng lao động. Các nội dung về mức lương, hình thức trả lương và thời gian trả lương đều được quy định rõ ràng trong hợp đồng, làm cơ sở pháp lý để công ty và người lao động thực hiện.

Cuối cùng, công ty đảm bảo việc thanh toán tiền lương đầy đủ và đúng thời hạn. Tiền lương thường được chi trả theo tháng, giúp người lao động ổn định thu nhập và yên tâm làm việc. Đồng thời, công ty còn áp dụng các khoản phụ cấp và tiền thưởng nhằm nâng cao thu nhập và tạo động lực làm việc cho nhân viên.

Tóm lại, nguyên tắc tính trả lương tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ An Sinh Hùng được xây dựng trên cơ sở đảm bảo công bằng, hợp lý, tuân thủ pháp luật và gắn liền với hiệu quả công việc. Đây là nền tảng quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý lao động và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

2.2.2.2. Các hình thức trả lương áp dụng tại công ty:

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức lao động và tính chất công việc trong doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng áp dụng một số hình thức trả lương nhằm đảm bảo phù hợp với từng vị trí công việc:

- Hình thức trả lương theo thời gian:

Theo Điều 96 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019, tiền lương có thể được trả theo ba hình thức cơ bản gồm: : trả lương theo thời gian, trả lương theo sản phẩm và trả lương theo khoán. Trong đó, trả lương theo thời gian được xác định căn cứ vào thời gian làm việc của người lao động như tháng, tuần, ngày hoặc giờ. Căn cứ vào quy định này và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, công ty chủ yếu áp dụng hình thức trả lương theo thời gian kết hợp với các khoản phụ cấp và tiền thưởng nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động và nâng cao hiệu quả công việc. Công ty hiện đang làm việc 6 ngày/ tuần. Bảng chấm công được kế toán theo dõi, ghi chép một cách cụ thể ngày nghỉ và lý do nghỉ. Lương thời gian được tính theo công thức sau:

$$\text{Lương thời gian} = \frac{\text{Lương cơ bản}}{\text{Tổng số ngày làm việc trong tháng}} \times \text{số ngày làm việc thực tế}$$

$$\text{Tổng lương} = \text{Lương thời gian} + \text{Các khoản phụ cấp}$$

$$\text{Lương thực nhận} = \text{Tổng lương} - \text{Các khoản trích theo lương}$$

Các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên: Ngoài tiền lương chính theo thời gian, tùy theo chức vụ, trình độ và bảng lương của Nhà nước mà mỗi nhân viên trong Công ty sẽ có các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty.

Tiền lương phép: Đối với nghỉ phép, số ngày được nghỉ của nhân viên được tăng dần cùng với số năm công tác tại Công ty. Ngoài ra, ngày lễ tết được tính trả cho công nhân bằng tiền lương thực tế 1 ngày công.

- Hình thức trả lương theo doanh thu:

Công ty áp dụng hình thức trả lương theo doanh thu đối với nhân viên phòng kinh doanh:

Công thức:

$$\text{Lương thực tế} = \text{Lương hợp đồng} + \text{Lương doanh thu}$$

$$\text{Tổng lương} = \text{Lương thực tế} + \text{Các khoản phụ cấp} + \text{Thưởng}$$

$$\text{Lương thực nhận} = \text{Tổng lương} + \text{Các khoản giảm trừ}$$

Căn cứ vào doanh thu của từng nhân viên trong tháng để tính lương của từng nhân viên của phòng kinh doanh như sau:

+ Nếu doanh thu dưới 55.000.000 đồng/tháng thì thưởng % doanh thu là bằng 0

+ Nếu doanh thu đạt từ 55.000.000 đồng/tháng đến dưới 90.000.000 đồng/tháng thì thưởng % doanh thu là 1%

+ Nếu doanh thu đạt từ 90.000.000 đồng/tháng đến dưới 120.000.000 đồng/tháng thì thưởng % doanh thu là 1,5%

+ Nếu doanh thu đạt từ 120.000.000 đồng/tháng trở lên thì thưởng % doanh thu là 2%

2.2.3. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:

Bảng 2.3. Tỷ lệ trích nộp các khoản trích theo lương

Các khoản trích theo lương	Trích vào chi phí của doanh nghiệp	Trích vào lương của người lao động	Tổng
BHXH	17,5%	8%	25,5%
BHYT	3%	1,5%	4,5%
BHTN	1%	1%	2%
KPCĐ	2%	—	2%
Tổng	23,5%	10,5%	34%

2.3. Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

2.3.1. Kế toán tiền lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

2.3.1.1. Chứng từ, tài khoản kế toán:

* Chứng từ

- Bảng chấm công
- giấy đề nghị tạm ứng
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng thanh toán tiền thưởng
- Bảng tính tiền lương làm thêm giờ
- Bảng tính tiền lương
- Phiếu chi

*** Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 334: Phải trả người lao động

2.3.1.2. Kế toán chi tiết:

Sổ sách sử dụng tại Công ty:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 334
- Sổ chi tiết TK 334

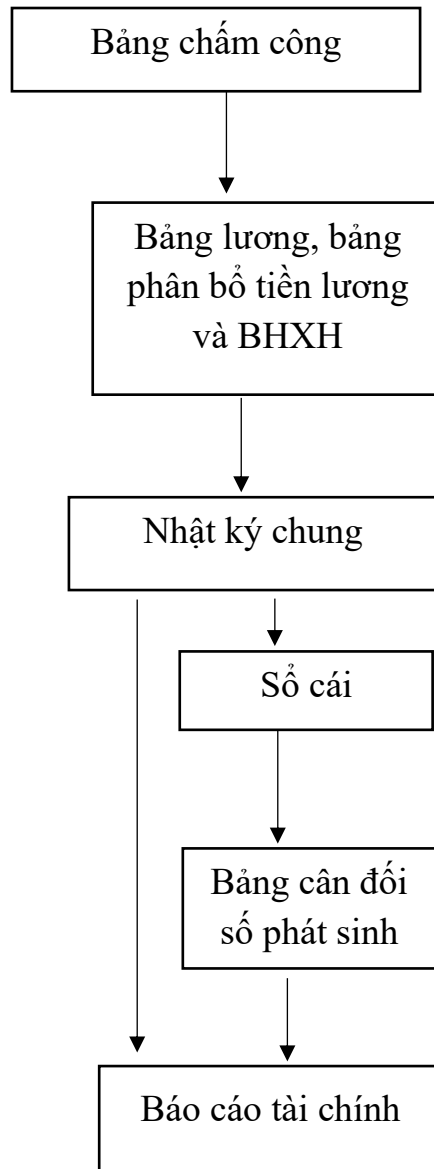
Trình tự ghi sổ kế toán tiền lương:

Công tác kế toán phải trả người lao động tại Công ty được thực hiện dựa vào các chứng từ có liên quan như bảng chấm công, bảng thanh toán tiền thưởng và các chứng từ có liên quan khác để tiến hành tổng hợp số liệu xác định tiền lương phải trả cho người lao động.

Căn cứ vào bảng thanh toán lương của các bộ phận, kế toán tiền lương lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương để phân bổ chi phí tiền lương cho các bộ phận trong kỳ.

Từ bảng thanh toán lương, kế toán viết phiếu chi lương cho nhân viên trong Công ty.

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán tiền lương tại Công ty



Bảng 2.4. Bảng chấm công nhân viên tháng 1 bộ phận quản lý

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận: Quản lý

Tháng 01 năm 2026

T T	Họ và tên	Cấp bậc. Chức vụ	NGÀY TRONG THÁNG																															Cộng thời gian	Cộng hườn g 100%	Cộng quy đổi
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31			
			T5	T6	T7	C N	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7			
1	Nguyễn Mạnh Hùng	GD	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
2	Đinh Thị Vân	NVK T	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
3	Nguyễn Thị Nhi	NVK T	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
4	Đinh Trà My	NVK T	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
5	Trần Mai Hoa	NVK T	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
																																				
	Tổng			7	7		7	7	7	7	7	7		7	7	7	7	7	7		7	7	7	7	7	7		7	7	7	7	7	7	182	7	189

Ghi chú: L: Nghỉ lễ Ô: Ôm X: Lương thời gian

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc/Tổng giám đốc

Phụ trách bộ phận

Người chấm công

Bảng 2.5. Bảng chấm công nhân viên tháng 1 bộ phận kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận: Kinh doanh

Tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên	Cấp bậc, Chức vụ	NGÀY TRONG THÁNG																															Cộng thời gian	Cộng hườn g 100%	Cộng quy đổi
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31			
			T 5	T6	T7	C N	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7			
1	Đinh Văn Thuyết	NVB H	L	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27	
2	Nguyễn Văn Nam	NVB H	L	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27	
3	Vũ Thị Linh	NVB B	L	X	X		X	X	X	Ồ	Ồ	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	24	1	25	
4	Đinh Thị Trinh	NVB H	L	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27	
5	Đặng Văn Lâm	NVB H	L	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27	
																																				
Tổng cộng				8	8		8	8	8	7	7	8		8	8	8	8	8		8	8	8	8	8	8		8	8	8	8	8	8	206	8	214	

Ghi chú: L: Nghỉ lễ Ô: Ốm X:Lương thời gian

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc/Tổng giám đốc

Phụ trách bộ phận

Người chấm công

Bảng 2.6. Bảng chấm công nhân viên tháng 1 bộ phận sản xuất

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận: Sản xuất

Tháng 01 năm 2026

T T	Họ và tên	Cấp bậc. Chức vụ	NGÀY TRONG THÁNG																															Cộng thời gian	Cộng hườn g 100%	Cộng quy đổi
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31			
			T5	T6	T7	C N	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7			
1	Trần Thế Tùng	NV	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
2	Đinh Văn Nam	NV	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
3	Trịnh Văn Nam	NV	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
4	Đinh Văn Thắng	NV	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
5	Vũ Quang Linh	NV	L	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	26	1	27
																																				
	Tổng			20	20		20	20	20	20	20	20		20	20	20	20	20	20		20	20	20	20	20	20		20	20	20	20	20	20	520	20	540

Ghi chú: L: Nghỉ lễ Ô: Ôm X: Lương thời gian

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc/Tổng giám đốc

Phụ trách bộ phận

Người chấm công

Căn cứ vào bảng chấm công, kế toán tính được số ngày làm việc và các chỉ tiêu trên bảng thanh toán lương:

$\text{Thực lĩnh} = \text{Lương chính} + \text{Phụ cấp} + \text{Trợ cấp} - \text{Các khoản giảm trừ}$

Trong đó: Các khoản giảm trừ: BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN

Thu nhập tính thuế TNCN	=	Thu nhập chịu thuế TNCN	-	Giảm trừ bản thân	-	Giảm trừ người phụ thuộc	-	BHXH, BHYT, BHTN	-	Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo
-------------------------	---	-------------------------	---	-------------------	---	--------------------------	---	------------------	---	---------------------------------------

*** Các khoản giảm trừ để tính thuế TNDN:**

- Căn cứ Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 ban hành ngày 17/10/2025 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 quy định:

+ Mức giảm trừ bản thân đối với người nộp thuế là 15.500.000đ/ tháng (186.000.000đ/năm).

+ Mức giảm trừ đối với người phụ thuộc là 6.200.000đ/tháng

- Các khoản bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN

Bảng 2.7. Thuế suất thuế TNCN

Bậc	TNTT/ năm	TNTT/tháng	Thuế suất	Tính số thuế phải nộp	
				Cách 1	Cách 2
1	Đến 120 tr	Đến 10 trđ	5%	0 trđ + 5% TNTT	5% TNTT
2	Trên 120 tr đến 360 tr	Trên 10 trđ đến 30 trđ	10%	0,5 trđ + 10% TNTT trên 10 trđ	10% TNTT – 0,5 trđ
3	Trên 360 tr đến 720 tr	Trên 30 trđ đến 60 trđ	20%	2,5 trđ + 20% TNTT trên 30 trđ	20% TNTT – 3,5 trđ
4	Trên 720 tr đến 1.200 tr	Trên 60 trđ đến 100 trđ	30%	8,5 trđ + 30% TNTT trên 60 trđ	30% TNTT – 9,5 trđ
5	Trên 1.200 tr	Trên 100 trđ	35%	20,5 trđ + 35% TNTT trên 100 trđ	35% TNTT – 14,5 trđ

Lương cơ bản:

- + Giám đốc: 22.000.000 đồng/tháng
- + Kế toán trưởng: 15.00.000 đồng/tháng
- + Kế toán tổng hợp: 9.000.000 đồng/tháng
- + Kế toán: 8.000.000 đồng/tháng
- + Quản lí: 8.000.000 đồng/tháng
- + Nhân viên kinh doanh: 7.000.000 đồng/tháng
- + Nhân viên sản xuất: 6.500.000 đồng/tháng

* Các khoản phụ cấp:

- + Tiền ăn: 729.000 đồng/ tháng
- + Xăng xe: 500.000 đồng/tháng
- + Phụ cấp độc hại (riêng cho nhân viên sản xuất): 400.000

Để phản ánh tiền lương cho người lao động, kế toán sử dụng bảng thanh toán lương

Bảng 2.8: Bảng thanh toán lương bộ phận quản lý tháng 01/2026

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Bộ phận: Quản lý

Tháng 01 năm 2026

S T T	Họ và tên	Cổ ng qu y đổi	Chức vụ	lương	Các khoản phụ cấp			Trợ cấp	Thu nhập chịu thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Thu nhập tính thuế TNCN	Lương tính BH	Các khoản khấu trừ					Thực lĩnh	K ý n h ậ n
					Phụ cấp tiền ăn	PC xăng xe	Tổng các khoản phụ cấp							BHXX (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Thuế TNCN	Tổng cộng		
	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(5)+(8)	11	12	13=(10)- (11)-(12)- (14)-(15)- (16)		14=Lương tính BH*8%	15= lương tính BH*1,5%	16= Lương tính BH*1%	17=(13)+ TS	18=(14)+(15)+ (16)+(17)	19=(5)+ (8)+(9)- (18)	20
1	Nguyễn Mạnh Hùng	27	GD	22.000.000	729.000	500.000	1.229.000		23.229.000	15.500.000	12.400.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	22.697.584	
2	Đinh Thị Vân	27	NVK T	15.000.000	729.000	500.000	1.229.000		16.229.000	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	15.697.584	
3	Nguyễn Thị Nhi	27	NVK T	9.000.000	729.000	500.000	1.229.000		10.229.000	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	9.697.584	
4	Đinh Trà My	27	NVK T	8.000.000	729.000	500.000	1.229.000		9.229.000	15.500.000			5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	8.697.584	
5	Trần Mai Hoa	27	NVK T	8.000.000	729.000	500.000	1.229.000		9.229.000	15.500.000			5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	8.697.584	
																				
	Tổng cộng	189		78.000.000	5.103.000	3.500.000	8.603.000		86.603.000	108.500.000	24.800.000		35.427.700	2.834.216	531.419	354.277		4.214.549	82.883.088	

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Bảng 2.9: Bảng thanh toán lương bộ phận kinh doanh tháng 01/2026

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Bộ phận: Kinh doanh

Tháng 01 năm 2026

S T T	Họ và tên	Côn g quy đối	Chức vụ	Lương	Lương doanh thu			Các khoản phụ cấp			Trợ cấp	Thu nhập chịu thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Thu nhập tính thuế TNCN	Lương tính BH	Các khoản khấu trừ					Thực lĩnh	K ý n h ậ n
					Doanh thu	%	Thành tiền	Phụ cấp tiền ăn	PC xăng xe	Tổng các khoản phụ cấp							BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Thuế TNCN	Tổng cộng		
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=(5)+(8)+(11)	14	15	16=(13)-(14)-(15)-(17)-(18)-(19)		14=Lương tính BH*8%	15= lương tính BH*1,5%	16= Lương tính BH*1%	17=(13)+T S	18=(14)+(15)+(16)+(17)	19=(5)+(8)+(9)-(18)	20
1	Đinh Văn Thuyết	27	NVKD	7.000.000	155.560.000	2%	3.111.200	729.000	500.000	1.229.000		11.340.200	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	10.808.784	
2	Nguyễn Văn Nam	27	NVKD	7.000.000	138.645.000	2%	2.772.900	729.000	500.000	1.229.000		11.001.900	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	10.470.484	
3	Vũ Thị Linh	25	NVKD	6.482.000	115.258.000	1%	1.152.580	675.000	462.962	1.137.962		8.772.542	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	8.241.126	
4	Đinh Thị Trinh	27	NVKD	7.000.000	125.765.000	2%	2.515.300	729.000	500.000	1.229.000		10.744.300	15.500.000			5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	10.212.884	
5	Đặng Văn Lâm	27	NVKD	7.000.000	145.875.000	2%	2.917.500	729.000	500.000	1.229.000		11.146.500	15.500.000			5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	10.615.084	
	****	--	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
	Tổng	214		55.482.000	1.167.353.000		22.194.480	5.778.000	3.962.962	9.740.962		87.417.442	124.000.000	24.800.000		40.488.000	3.239.104	607.336	404.888		4.251.328	83.166.114	

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Bảng 2.10: Bảng thanh toán lương bộ phận kinh doanh tháng 01/2026

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Bộ phận: Sản xuất

Tháng 01 năm 2026

S T T	Họ và tên	Công quy đổi	Chức vụ	Lương	Các khoản trợ cấp				Trợ cấp	Thu nhập chịu thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Thu nhập tính thuế TNCN	Lương tính BH	Các khoản khấu trừ					Thực linh	Ký nhận
					Phụ cấp tiền ăn	PC xăng xe	Phụ cấp độc hội	Tổng các khoản cấp phụ							BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Thu ế TN CN	Tổng cộng		
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=(5)+(9)	12	13	14=(11)- (12)-(13)- (15)-(16)- (17)		15=Lương tính BH*8%	16=Lương tính BH*1,5%	17=Lương tính*1%	18=(14)+ TS	19=(15) +(16)+(17)+(18)	20=(5)+(9)+ (10)-(19)	21
1	Trần Thế Tùng	27	NVSX	6.500.000	729.000	500.000	400.000	1.629.000		8.629.000	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	7.597.584	
2	Đình Văn Nam	27	NVSX	6.500.000	729.000	500.000	400.000	1.629.000		8.629.000	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	7.597.584	
3	Trịnh Văn Nam	27	NVSX	6.500.000	729.000	500.000	400.000	1.629.000		8.629.000	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	7.597.584	
4	Đình Văn Thắng	27	NVSX	6.500.000	729.000	500.000	400.000	1.629.000		8.629.000	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	7.597.584	
5	Vũ Quang Linh	27	NVSX	6.500.000	729.000	500.000	400.000	1.629.000		8.129.000	15.500.000	6.200.000		5.061.100	404.888	75.917	50.611		531.416	7.597.584	
																					
	Tổng	540		130.000.000	14.580.000	10.000.000	8.000.000	32.580.000		162.580.000	310.000.000	111.600.000		101.222.000	8.097.760	1.518.340	1.012.220		10.628.320	151.951.680	

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng, qua tìm hiểu Công ty chủ yếu áp dụng hình thức trả lương theo thời gian đối với bộ phận. Tiền lương của người lao động được xác định dựa trên mức lương theo hợp đồng lao động và thời gian làm việc thực tế trong tháng.

Công ty thực hiện việc trích lập các khoản theo lương như bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và kinh phí công đoàn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Mức lương căn cứ đóng bảo hiểm được xây dựng phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Theo Danh mục địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định, phường Hoa Lư thuộc tỉnh Ninh Bình nằm ở vùng II. Như vậy, Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng nằm trên địa bàn phường Hoa Lư nên áp dụng mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 4.730.000đ/tháng.

Trích dẫn 1: Tính tiền lương phải trả cho ông Nguyễn Mạnh Hùng, chức vụ Giám đốc:

- Lương: 22.000.000
- Ngày công thực tế: 27 ngày
- Phụ cấp tiền ăn: $27.000 \times 27 = 729.000$
- Phụ cấp xăng xe: 500.000

=> Thu nhập chịu thuế TNCN: 22.000.000

- Giảm trừ bản thân: 15.500.000
- Giảm trừ người phụ thuộc: 6.200.000

- Lương tính bảo hiểm: $4.730.000 + (4.730.000 \times 7\%) = 5.061.100$ (Căn cứ theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ và theo hợp đồng lao động, ông Nguyễn Mạnh Hùng có qua đào tạo nên mức lương tính bảo hiểm được cộng thêm 7% mức lương tối thiểu vùng)

- BHXH: $5.061.100 \times 8\% = 404.888$
- BHYT: $5.061.100 \times 1,5\% = 75.917$
- BHTN: $5.061.100 \times 1\% = 50.611$

=> Tổng các khoản giảm trừ:

$404.888 + 75.917 + 50.611 = 531.416$

=> Tiền thực lĩnh của ông Nguyễn Mạnh Hùng:

$$22.000.000 + 1.229.000 - 531.416 = 22.697.584$$

Trích dẫn 2: Tính tiền lương phải trả cho bà Đinh Thị Vân, bộ phận kế toán:

- Lương hợp đồng: 15.000.000
- Ngày công thực tế: 27
- Phụ cấp tiền ăn: $27.000 \times 27 = 729.000$
- Phụ cấp tiền xăng xe: 500.000

=> Thu nhập chịu thuế TNCN: 15.000.000

- Giảm trừ bản thân: 15.500.000
- Giảm trừ người phụ thuộc: 5.200.000
- Lương tính bảo hiểm: $4.730.000 + (4.730.000 \times 7\%) = 5.061.100$ (Căn cứ theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ và theo hợp đồng lao động, bà Đinh Thị Vân có qua đào tạo nên mức lương tính bảo hiểm được cộng thêm 7% mức lương tối thiểu vùng)

- BHXH: $5.061.100 \times 8\% = 404.888$
- BHYT: $5.061.100 \times 1,5\% = 75.917$
- BHTN: $5.061.100 \times 1\% = 50.611$

=> Tổng các khoản giảm trừ:

$$404.888 + 75.917 + 50.611 = 531.416$$

=> Tiền thực lĩnh của bà Đinh Thị Vân:

$$= 15.000.000 + 1.229.000 - 531.416 = 15.697.584$$

Trích dẫn 3: Tính tiền lương phải trả cho ông Đinh Văn Thuyết, chức vụ: nhân viên kinh doanh.

- Lương hợp đồng: 7.000.000
- Ngày công thực tế: 27
- Lương doanh thu: $155.560.000 \times 2\% = 3.111.200$
- Phụ cấp tiền ăn: $27.000 \times 27 = 729.000$
- Phụ cấp tiền xăng xe: 500.000

=> Thu nhập chịu thuế TNCN: $15.000.000 + 3.111.200 = 18.111.200$

- Giảm trừ bản thân: 15.500.000

- Giảm trừ người phụ thuộc: 5.200.000

- Lương tính bảo hiểm: $4.730.000 + (4.730.000 \times 7\%) = 5.061.100$ (Căn cứ theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ và theo hợp đồng lao động, ông Đinh Văn Thuyết có qua đào tạo nên mức lương tính bảo hiểm được cộng thêm 7% mức lương tối thiểu vùng)

- BHXH: $5.061.100 \times 8\% = 404.888$

- BHYT: $5.061.100 \times 1,5\% = 75.917$

- BHTN: $5.061.100 \times 1\% = 50.611$

=> Tổng các khoản giảm trừ:

$$404.888 + 75.917 + 50.611 = 531.416$$

=> Tiền thực lĩnh của bà Đinh Văn Thuyết:

$$= 15.000.000 + 1.229.000 + 3.111.200 - 531.416 = 10.808.784$$

Đối với các nhân viên khác, tiền lương và các khoản trích theo lương tính tương tự.

* Căn cứ vào bảng thanh toán lương toàn Công ty, kế toán viết phiếu chi lương cho nhân viên trong Công ty.

Bảng 2.11. Phiếu chi số 1

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt – Hoa Lư – Ninh Bình (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU CHI

Quyền số: 01

Ngày 10 tháng 1 năm 2026

Số: 01

Nợ TK: 334

Có TK: 111

Họ tên người nhận tiền: Đinh Thị Vân

Đại chi: Phòng kế toán

Lý do chi: Trả lương cho nhân viên tháng 12/2025

Số tiền: 318.000.882đ Viết bằng chữ: *Ba trăm mười tám triệu không trăm nghìn tám trăm tám mươi hai đồng*

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba trăm mười tám triệu không trăm nghìn tám trăm tám mươi hai đồng*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty

* Căn cứ vào Bảng thanh toán lương của từng bộ phận để chi trả và thanh toán lương cho nhân viên đồng thời tổng hợp tiền lương phải trả cho từng đối tượng sử dụng lao động và tính BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo chế độ quy định. Từ đó ta lập “Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương”

Bảng 2.12. Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 01 năm 2026

S T T	Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các TK)	TK 334- Phải trả người lao động			TK 338 – Phải trả, phải nộp khác						Thuế TNCN	Tổng cộng
		Lương cơ bản+ Lương doanh thu	Phụ cấp	Cộng có TK 334	Lương tính BH	KPCĐ (2%)	BHXH (17,5%)	BNTN (1%)	BHYT (3%)	Cộng có TK 338		
1	TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp	130.000.000	32.580.000	162.580.000	101.222.000	2.024.440	17.713.850	1.012.220	3.036.660	23.787.170		186.367.170
2	TK 6411 – Chi phí bộ phận bán hàng	77.676.480	9.740.962	87.417.442	40.488.800	809.776	7.085.540	404.888	1.214.664	9.514.868		96.932.310
3	TK 6421 – Chi phí bộ phận quản lý	78.000.000	8.603.000	86.603.000	35.427.700	708.554	6.199.848	354.277	1.062.831	8.325.510		94.928.510
4	TK334 – Phải trả người lao động				177.138.500		14.171.080	1.771.385	2.657.078	18.599.543		18.599.543
5	TK338 – Phải trả, phải nộp khác											
	Tổng cộng	285.676.480	50.923.962	336.600.442	354.277.000	3.542.770	45.170.318	3.542.770	7.971.233	60.227.091		396.827.533

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Cách tính tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 01/2026 tại Công ty:

1. Tổng số tiền lương phải trả cho người lao động ở từng bộ phận:

Lương của người lao động thuộc bộ phận + Các khoản phụ cấp (phụ cấp tiền ăn, xăng xe)

* Đối với bộ phận sản xuất:

+ Lương cơ bản: 130.000.000

+ Các khoản khác: 32.580.000

=> Tổng tiền lương phải trả người lao động ở bộ phận sản xuất là:

$$130.000.000 + 32.580.000 = 162.580.000$$

* Đối với bộ phận kinh doanh:

+ Lương cơ bản: 77.676.480

+ Các khoản khác: 9.740.962

=> Tổng tiền lương phải trả người lao động ở bộ phận kinh doanh là:

$$77.676.480 + 9.740.962 = 87.417.442$$

* Đối với bộ phận quản lý:

+ Lương cơ bản: 78.000.000

+ Các khoản khác: 8.603.000

=> Tổng tiền lương phải trả người lao động ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là:

$$78.000.000 + 8.603.000 = 86.603.000$$

2. Các khoản trích theo lương tính vào chi phí sản xuất:

- Lương tính bảo hiểm: 101.222.000

- KPCĐ: $101.222.000 \times 2\% = 2.024.440$

- BHXH: $101.222.000 \times 17,5\% = 17.713.850$

- BHTN: $101.222.000 \times 1\% = 1.012.220$

- BHYT: $101.222.000 \times 3\% = 3.036.660$

=> Tổng số tiền tính vào chi phí bán hàng là:

$$2.024.440 + 17.713.850 + 1.012.220 + 3.036.660 = 23.787.170$$

2. Các khoản trích theo lương tính vào chi phí bán hàng:

- Lương tính bảo hiểm: 40.488.800
- KPCĐ: $40.488.800 \times 2\% = 809.776$
- BHXH: $40.488.800 \times 17,5\% = 7.085.540$
- BHTN: $40.488.800 \times 1\% = 404.888$
- BHYT: $40.488.800 \times 3\% = 1.214.664$

=> Tổng số tiền tính vào chi phí bán hàng là:

$$809.776 + 7.085.540 + 404.888 + 1.214.664 = 9.514.868$$

3. Các khoản trích theo lương tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Lương tính bảo hiểm: 35.427.700
- KPCĐ: $35.427.700 \times 2\% = 708.554$
- BHXH: $35.427.700 \times 17,5\% = 6.199.848$
- BHTN: $35.427.700 \times 1\% = 354.277$
- BHYT: $35.427.700 \times 3\% = 1.062.831$

=> Tổng số tiền tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

$$708.554 + 6.199.848 + 354.277 + 1.062.831 = 8.325.510$$

4. Các khoản trích theo lương trừ vào lương người lao động:

- BHXH = Lương tính bảo hiểm $\times 8\%$
 $= 177.138.500 \times 8\% = 14.171.080$
- BHTN = Lương tính bảo hiểm $\times 1\%$
 $= 177.138.500 \times 1\% = 1.771.385$
- BHYT = Lương tính bảo hiểm $\times 1,5\%$
 $= 177.138.500 \times 1,5\% = 2.657.078$

=> Tổng số tiền trừ vào lương người lao động là:

$$14.171.080 + 1.771.385 + 2.657.078 = 18.599.543$$

2.3.1.2. Kế toán tổng hợp:

* Căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 01/2026, kế toán lên Nhật ký chung, phiếu kế toán và sổ cái TK 334.

Bảng 2.13. (Trích) Nhật ký chung tháng 01/2026

Mẫu số S03a- DN

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Địa chỉ: Số 10 Hoàng Quốc Việt, p.Hoa Lư, T. Ninh Bình

Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

(TRÍCH) SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2026

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
								
10/01/2026	PC 01	10/01/2026	Thanh toán lương tháng 12/2025			334	318.000.882	
						111		318.000.882
			Tiền lương phải trả cho người lao động tháng 01/2026			622	162.580.000	
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026				6411	87.417.442	
						6421	86.603.000	
						334		337.209.480
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	BHXH, BHYT, BHTN khấu trừ vào lương nhân viên			334	18.599.543	
						338		18.599.543

31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào chi phí			622	23.787.170	
						338		23.787.170
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào chi phí			6411	9.514.868	
						338		9.514.868
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào chi phí			6421	8.325.510	
						338		8.325.510
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN			338	57.570.014	
						111		57.570.014
								
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x		

- Số này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ..

- Ngày mở sổ ...

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.14. Phiếu kế toán số 01

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, p.Hoa Lư, T.Ninh Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 01

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
01	Chi phí lương nhân viên sản xuất tháng 01/2026	622	162.580.000	
02	Chi phí lương nhân viên bán hàng tháng 01/2026	6411	87.417.442	
03	Chi phí lương nhân viên QLDN tháng 01/2026	6421	86.603.000	
05	Chi phí lương nhân viên tháng 01/2026	334		336.600.442
Cộng			336.600.442	336.600.442

Số tiền (Viết bằng chữ): *Ba trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.15. Sổ cái TK 334 tháng 01 năm 2026

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Mẫu số S3B - DN

Địa chỉ: Số 10 Hoàng Quốc Việt, p.Hoa Lư, T.Ninh Bình (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tháng 01 năm 2026

Tên tài khoản: Phải trả người lao động

Số hiệu: 334

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	ứng từ	Diễn giải	Nhật ký chung	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh		
	số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
15/01/2026	PC 01	15/01/2026	Thanh toán tiền lương tháng 12/2025			111	318.000.882	
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Tiền lương phải trả người lao động tháng 01/2026			6271 6411 6421		162.580.000 87.417.442 86.603.000
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Các khoản trích theo lương 01/2026			338	18.599.543	
			Cộng phát sinh tháng				336.600.445	336.600.442
			Số dư cuối tháng				x	x
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.2. Kế toán các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng:

2.3.2.1 Chứng từ, tài khoản kế toán:

*** Chứng từ kế toán**

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

*** Tài khoản sử dụng:**

Công ty sử dụng 4 tài khoản cấp 2 để hạch toán các khoản trích theo lương:

- Tài khoản 3382: Kinh phí công đoàn
- Tài khoản 3383: Bảo hiểm xã hội
- Tài khoản 3384: Bảo hiểm y tế
- Tài khoản 3386: Bảo hiểm thất nghiệp
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, ...

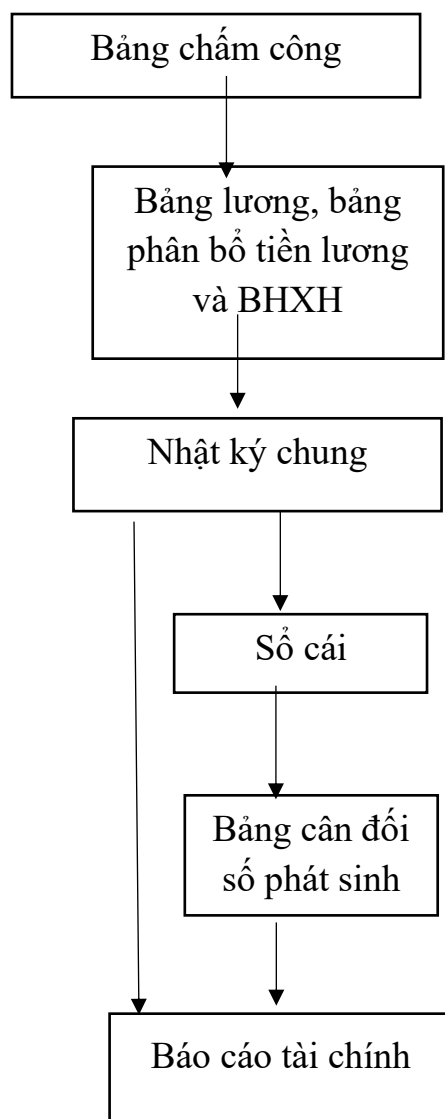
2.3.2.2. Kế toán chi tiết:

Sổ sách sử dụng tại Công ty

- Sổ chi tiết TK 3382, TK 3383, TK 3384, TK 3386
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 338

Trình tự ghi sổ các khoản trích theo lương tại Công ty

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán các khoản trích theo lương tại Công ty



Căn cứ vào chế độ tính các khoản trích theo tiền lương BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trích 23,5% vào chi phí và 10,5% vào lương.

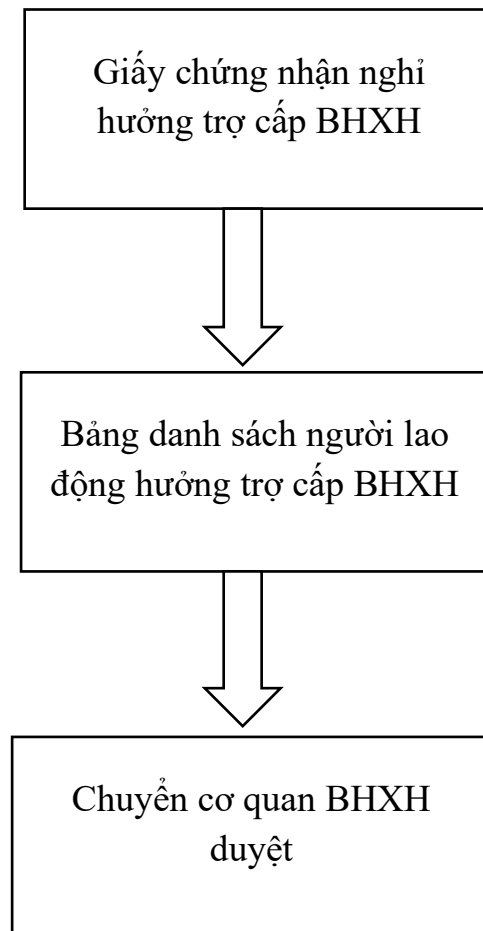
Căn cứ vào các chứng từ như Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng thanh toán tiền BHXH, trong các trường hợp nhân viên đã tham gia đóng BHXH mà ốm đau, thai sản, tai nạn lao động thì được trợ cấp BHXH.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 Luật BHXH năm 2014 quy định:

Tiền lương tháng phải đóng BHXH của
tháng liền kề trước khi nghỉ việc

$$\text{Mức hưởng} = \frac{\text{Số ngày}}{24} \times 75\% \times \text{nghỉ việc theo quy định}$$

Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển giấy chứng nhận nghỉ hưởng trợ cấp



Ví dụ: Căn cứ vào bảng chấm công, bảng thanh toán lương ta tính số tiền BHXH trợ cấp cho bà Vũ Thị Linh, nhân viên bán hàng:

- Tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước tháng nghỉ: 5.061.100
- Số ngày nghỉ: 02 (Từ ngày 08/01/2026 đến ngày 09/01/2026)

=> Mức tiền hưởng trợ cấp: $(5.061.100 / 24) \times 75\% \times 2 = 316.318$

Bảng 2.16: Giấy chứng nhận nghỉ hưởng BHXH

Trạm y tế phường Hoa Lư	Mẫu số: CT07
Số 248/2026/KCB	Số seri: 29A12012026

GIẤY CHỨNG NHẬN
NGHỈ VIỆC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI
(chỉ áp dụng cho điều trị ngoại trú)

I. Thông tin người bệnh

Họ và tên: VŨ THỊ LINH Ngày sinh: 15/05/1998

Mã số BHXH/Số thẻ BHYT:;

Số CCCD/CMND/Định danh công dân/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.../...../.....

Giới tính: Nữ

Đơn vị làm việc: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Ngày khám bệnh, chữa bệnh: ngày 08 tháng 01 năm 2026.

II. Chẩn đoán và phương pháp điều trị

Cúm kéo dài

Số ngày nghỉ: 02 ngày

(Từ ngày 08/01/2026 đến hết ngày 09/01/2026)

Ngày 08 tháng 01 năm 2026.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ <i>(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	Người hành nghề KB, CB <i>(Ký, ghi rõ họ tên,)</i>
---	--

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Trích dẫn: Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của người lao động trong tháng 01/2026

2.3.2.3. Kế toán tổng hợp:

Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 01/2026 và Bảng phân bổ tiền lương và BHXH tháng 01/2026, kế toán lên Sổ chi tiết TK 3382, TK 3383, TK 3384, TK 3386, Nhật ký chung, phiếu kế toán và Sổ cái TK 338.

Bảng 2.17. Sổ chi tiết TK 3382

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An

Mẫu số S39-DN

Sinh Hùng

(Ban hành theo Thông tư số

Địa chỉ: Phòng kế toán

200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3382

Đối tượng: Kinh phí công đoàn

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
31/01/2026	BPBTLT13	31/01/2026	Trích KPCĐ vào chi phí sản xuất tháng 01/2026	622		2.024.440		2.024.440
31/01/2026	BPBTLT13	31/01/2026	Trích KPCĐ vào chi phí bán hàng tháng 01/2026	6411		809.776		2.834.216
31/01/2026	BPBTLT13	31/01/2026	Trích KPCĐ vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 01/2026	6422		708.554		3.542.770
31/01/2026	PC	31/01/2026	Nộp KPCĐ	111	885.693			
			Cộng phát sinh	x	885.693	3.542.770	x	x
			Số dư cuối kỳ	x	x	x		2.657.077

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Bảng 2.18. Sổ chi tiết TK 3383

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Mẫu số S38 - DN

Bộ phận: Kế toán

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3383

Đối tượng: Bảo hiểm xã hội

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Trích BHXH vào chi phí sản xuất chung tháng 01/2026	622		17.713.850		17.713.850
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Trích BHXH vào chi phí bán hàng tháng 01/2026	6411		7.085.540		24.799.390
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Trích BHXH vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 01/2026	6421		6.199.848		30.999.238
31/01/2026	BPBTLT1	31/01/2026	Trích BHXH tính vào lương người lao động tháng 01/2026	334		14.171.080		45.170.318
31/01/2026	PC 03	31/01/2026	Nộp BHXH	111	45.170.318			
			Cộng số phát sinh	x	45.170.318	45.170.318	x	x
			Dư cuối kỳ	x	x	x		0

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Bảng 2.19. Sổ chi tiết TK 3384

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Mẫu số S38 - DN

Bộ phận: Kế toán

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3384

Đối tượng: Bảo hiểm y tế

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
31/01/ 2026	BPBT LT1	31/01/ 2026	Trích BHYT vào chi phí sản xuất chung tháng 01/2026	622		3.036.660		3.036.660
31/01/ 2026	BPBT LT1	31/01/ 2026	Trích BHYT vào chi phí bán hàng tháng 01/2026	6411		1.214.664		4.251.324
31/01/ 2026	BPBT LT1	31/01/ 2026	Trích BHYT vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 01/2026	6421		1.062.831		5.314.155
31/01/ 2026	BPBT LT1	31/01/ 2026	Trích BHYT tính vào lương người lao động tháng 01/2026	334		2.657.078		7.971.233
31/01/ 2026	PC 03	31/01/ 2026	Nộp BHYT	111	7.971.233			
			Cộng số phát sinh	x	7.971.233	7.971.233	x	x
			Dư cuối kỳ	x	x	x		0

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.20. Sổ chi tiết TK 3386

Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Mẫu số S38 - DN

Bộ phận: Kế toán

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3386

Đối tượng: Bảo hiểm thất nghiệp

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
31/01/2026	BPBTL T1		Trích BHTN vào chi phí sản xuất chung tháng 01/2026	622		1.012.220		1.012.220
31/01/2026	BPBTL T1	31/01/2026	Trích BHTN vào chi phí bán hàng tháng 01/2026	6411		404.888		1.417.108
31/01/2026	BPBTL T1	31/01/2026	Trích BHTN vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 01/2026	6421		354.277		1.771.385
31/01/2026	BPBTL T1	31/01/2026	Trích BHTN tính vào lương người lao động tháng 01/2026	334		1.771.385		3.542.770
31/01/2026	PC 03	31/01/2026	Nộp BHTN	111	3.542.770			
			Cộng số phát sinh	x	3.542.770	3.542.770	x	x
			Dư cuối kỳ	x	x	x		0

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty

Bảng 2.21. Phiếu kế toán số 02

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, p.Hoa Lư, T.Ninh Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 02

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
01	Kinh phí công đoàn	622	2.024.440	
02	Kinh phí công đoàn	6411	809.776	
03	Kinh phí công đoàn	6421	708.554	
04	Kinh phí công đoàn	3382		3.542.770
Cộng			3.542.770	3.542.770

Số tiền (Viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty

Bảng 2.22. Phiếu kế toán số 03

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, p.Hoa Lư, T.Ninh Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 03

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
01	Bảo hiểm xã hội	622	17.713.850	
02	Bảo hiểm xã hội	6411	7.085.540	
03	Bảo hiểm xã hội	6421	6.199.848	
04	Bảo hiểm xã hội	334	14.171.080	
05	Bảo hiểm xã hội	3383		45.170.318
Cộng			45.170.318	45.170.318

Số tiền (Viết bằng chữ: *Bốn mươi lăm triệu một trăm bảy mươi nghìn ba trăm mười tám đồng*)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty

Bảng 2.23. Phiếu kế toán số 04

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, p.Hoa Lư, T.Ninh Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 04

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
01	Bảo hiểm y tế	622	3.036.660	
02	Bảo hiểm y tế	6411	1.214.664	
03	Bảo hiểm y tế	6421	1.062.831	
04	Bảo hiểm y tế	334	2.657.078	
05	Bảo hiểm y tế	3384		7.971.233
Cộng			7.971.233	7.971.233

Số tiền (Viết bằng chữ): *Bảy triệu chín trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng*

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty

Bảng 2.24. Phiếu kế toán số 04

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Quốc Việt, p.Hoa Lư, T.Ninh Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 05

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
01	Bảo hiểm thất nghiệp	622	1.012.220	
02	Bảo hiểm thất nghiệp	6411	404.888	
03	Bảo hiểm thất nghiệp	6421	354.277	
04	Bảo hiểm thất nghiệp	334	1.771.385	
05	Bảo hiểm thất nghiệp	3386		3.542.770
Cộng			3.542.770	3.542.770

Số tiền (Viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty

Bảng 2.25. Sổ cái TK 338 tháng 01 năm 2026**Đơn vị: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng****Mẫu số S3B - DN****Địa chỉ: Số 10 Hoàng Quốc Việt, p.Hoa Lư, T.Ninh Bình (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC****Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)****(TRÍCH) SỔ CÁI****Tháng 01 năm 2026****Tên tài khoản: Phải trả, phải nộp khác****Số hiệu: 338****Đơn vị tính: VND**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tra ng số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
31/01/2026	BPBT LT1	31/01/2026	Các khoản trích theo lương tháng 01/2026			622 6411 6421 334		23.787.170 9.514.868 8.325.510 18.599.543
31/01/2026	PC1	31/01/2026	Nộp các khoản trích theo lương tháng 01/2026			111	57.570.014	
			Cộng phát sinh tháng				57.570.014	60.227.091
			Số dư cuối tháng					2.657.077
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

*Ngày 31 tháng 01 năm 2026***Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN SINH HÙNG

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng

3.1.1. Ưu điểm:

Qua quá trình nghiên cứu và phân tích thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng, có thể nhận thấy công ty đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong tổ chức và thực hiện công tác này.

Trước hết, công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và kinh phí công đoàn (KPCĐ) được thực hiện đúng tỷ lệ quy định hiện hành. Điều này không chỉ đảm bảo tính tuân thủ pháp luật mà còn góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

Bên cạnh đó, hệ thống chứng từ kế toán được tổ chức khá đầy đủ và hợp lý. Các chứng từ như bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội được lập đúng quy định, phản ánh kịp thời và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đây là cơ sở quan trọng giúp công tác hạch toán tiền lương được thực hiện minh bạch và rõ ràng.

Ngoài ra, công ty đã sử dụng các tài khoản kế toán phù hợp như TK 334 và TK 338 để phản ánh các khoản phải trả người lao động và các khoản trích theo lương. Việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kế toán được thực hiện theo đúng nguyên tắc kế toán hiện hành, đảm bảo cung cấp thông tin tài chính chính xác cho nhà quản lý.

Công tác thanh toán tiền lương được thực hiện tương đối kịp thời, đảm bảo người lao động nhận được thu nhập đúng hạn. Điều này góp phần ổn định tâm lý và nâng cao tinh thần làm việc của nhân viên trong công ty.

3.1.2. Nhược điểm:

Mặc dù công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng đã đạt được một số kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần được nhìn nhận một cách khách quan và toàn diện nhằm có cơ sở đề xuất các giải pháp hoàn thiện phù hợp.

Trước hết, hạn chế lớn nhất nằm ở công tác chấm công và theo dõi thời gian làm việc của người lao động. Hiện nay, công ty vẫn sử dụng phương pháp chấm công thủ công thông qua bảng chấm công giấy. Phương pháp này phụ thuộc nhiều vào yếu tố con người, do đó dễ phát sinh sai sót trong quá trình ghi chép như chấm công thiếu chính xác, nhầm lẫn số ngày công hoặc có thể xảy ra tình trạng chấm công hộ. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến tính chính xác của việc tính lương mà còn làm giảm tính minh bạch trong quản lý lao động. Bên cạnh đó, việc tổng hợp dữ liệu chấm công thủ công cũng làm mất nhiều thời gian, gây áp lực cho bộ phận kế toán, đặc biệt vào thời điểm cuối tháng.

Tiếp theo, hình thức trả lương tại công ty còn đơn điệu, chủ yếu áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Mặc dù đây là phương pháp đơn giản, dễ thực hiện, nhưng lại chưa phản ánh đầy đủ năng suất và hiệu quả lao động của từng cá nhân. Việc chưa áp dụng linh hoạt các hình thức trả lương khác như trả lương theo sản phẩm, theo doanh thu hoặc theo hiệu quả công việc đã làm giảm động lực làm việc của người lao động. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, một chính sách tiền lương thiếu linh hoạt sẽ khó khuyến khích người lao động phát huy tối đa năng lực của mình, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán tiền lương còn nhiều hạn chế. Hiện tại, phần lớn các công việc như tính lương, lập bảng lương, phân bổ tiền lương và trích bảo hiểm vẫn được thực hiện thủ công hoặc trên các công cụ đơn giản như Excel. Điều này không chỉ làm tăng khối

lượng công việc mà còn tiềm ẩn nhiều rủi ro sai sót trong quá trình tính toán và hạch toán. Ngoài ra, việc lưu trữ dữ liệu phân tán, thiếu tính hệ thống cũng gây khó khăn trong việc tra cứu và quản lý thông tin khi cần thiết.

Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với kế toán tiền lương chưa thực sự được chú trọng. Việc đối chiếu số liệu giữa các bộ phận như bộ phận nhân sự và bộ phận kế toán chưa được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ. Điều này có thể dẫn đến tình trạng sai lệch số liệu hoặc phát sinh những sai sót mà không được phát hiện kịp thời. Hơn nữa, việc chưa phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các khâu trong quy trình tính lương và thanh toán lương cũng làm giảm hiệu quả kiểm soát nội bộ.

Chính sách tiền lương, phụ cấp và khen thưởng của công ty chưa thực sự đa dạng và chưa mang tính cạnh tranh cao. Các khoản phụ cấp còn hạn chế, chưa phản ánh đầy đủ điều kiện làm việc và đặc thù công việc của từng vị trí. Đồng thời, chế độ thưởng chưa gắn chặt với kết quả công việc, dẫn đến việc chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho người lao động nâng cao năng suất và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Trình độ chuyên môn và kỹ năng ứng dụng công nghệ của đội ngũ kế toán còn chưa đồng đều. Một số nhân viên kế toán chưa được đào tạo chuyên sâu về các phần mềm kế toán hiện đại cũng như chưa cập nhật kịp thời các quy định mới về chế độ tiền lương và bảo hiểm.

Doanh nghiệp vẫn áp dụng Thông tư 200/2024/TT- BTC trong khi thông tư 99/2025/TT – BTC có hiệu lực từ 01/01/2026.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV An Sinh Hùng:

Nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý lao động và chi phí nhân công, Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng cần triển khai một hệ thống giải pháp đồng bộ, mang tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp. Các giải pháp này không chỉ tập trung vào việc hoàn thiện quy trình kế toán mà còn hướng đến đổi mới phương thức

quản lý lao động, ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3.2.1. Hoàn thiện công tác chấm công và quản lý lao động:

- Một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu là hoàn thiện công tác chấm công và quản lý lao động. Hiện nay, việc chấm công tại công ty vẫn chủ yếu được thực hiện bằng phương pháp thủ công, điều này không chỉ làm giảm độ chính xác mà còn gây mất nhiều thời gian trong quá trình tổng hợp và xử lý số liệu. Công ty nên áp dụng chấm công bằng vân tay để có thể ghi nhận thời gian làm việc của người lao động một cách chính xác, khách quan và minh bạch, hạn chế tối đa tình trạng gian lận hoặc sai sót do yếu tố chủ quan. Bên cạnh đó, dữ liệu chấm công được lưu trữ tự động trên hệ thống sẽ giúp bộ phận kế toán dễ dàng truy xuất và tổng hợp khi cần thiết, từ đó rút ngắn thời gian tính lương và nâng cao hiệu quả làm việc.

- Công ty cũng cần xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý lao động một cách rõ ràng. Công ty nên tổ chức, bố trí lại lao động cho phù hợp, lập tiêu chuẩn, chỉ tiêu đánh giá, xếp hạng tháng cho nhân viên. Nếu doanh nghiệp nào nắm bắt được đầy đủ các thông tin cần thiết thì cũng có khả năng tạo thời cơ phát huy thế chủ động trong sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả cao. Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì cần phải tạo ra các sản phẩm tốt, giá cả hợp lý thì mới tạo ra lợi thế cạnh tranh của mình.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, các doanh nghiệp cần chú trọng đến việc kiểm soát và tiết giảm chi phí sản xuất, qua đó góp phần gia tăng lợi nhuận. Trong hệ thống quản lý kinh tế, kế toán giữ vai trò là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp theo dõi, phản ánh và kiểm soát các hoạt động tài chính, đồng thời hỗ trợ nhà quản lý trong việc đưa ra quyết định phù hợp. Chính vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán là yêu cầu tất yếu, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc tăng cường quản lý thời gian và chất lượng lao động cũng cần được quan tâm. Trên cơ sở những hạn chế đã được đề cập, có thể thấy công tác chấm công đóng vai trò quan trọng trong việc xác định tiền lương phải trả cho

người lao động, bởi ngày công làm việc là căn cứ trực tiếp để tính lương cơ bản. Không chỉ phản ánh số liệu thực tế, thông tin chấm công còn thể hiện ý thức trách nhiệm và thái độ làm việc của mỗi cá nhân. Do đó, việc tổ chức chấm công chính xác, đầy đủ là cần thiết nhằm đảm bảo tính công bằng trong phân phối tiền lương, đồng thời là cơ sở để ban lãnh đạo đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ, công nhân viên. Ngoài ra, doanh nghiệp nên bổ sung các tiêu chí về thời gian làm việc cụ thể vào bảng chấm công để theo dõi tình trạng đi muộn, về sớm, từ đó nâng cao độ chính xác và toàn diện trong việc đánh giá ngày công lao động.

3.2.2. Công tác kế toán tiền lương:

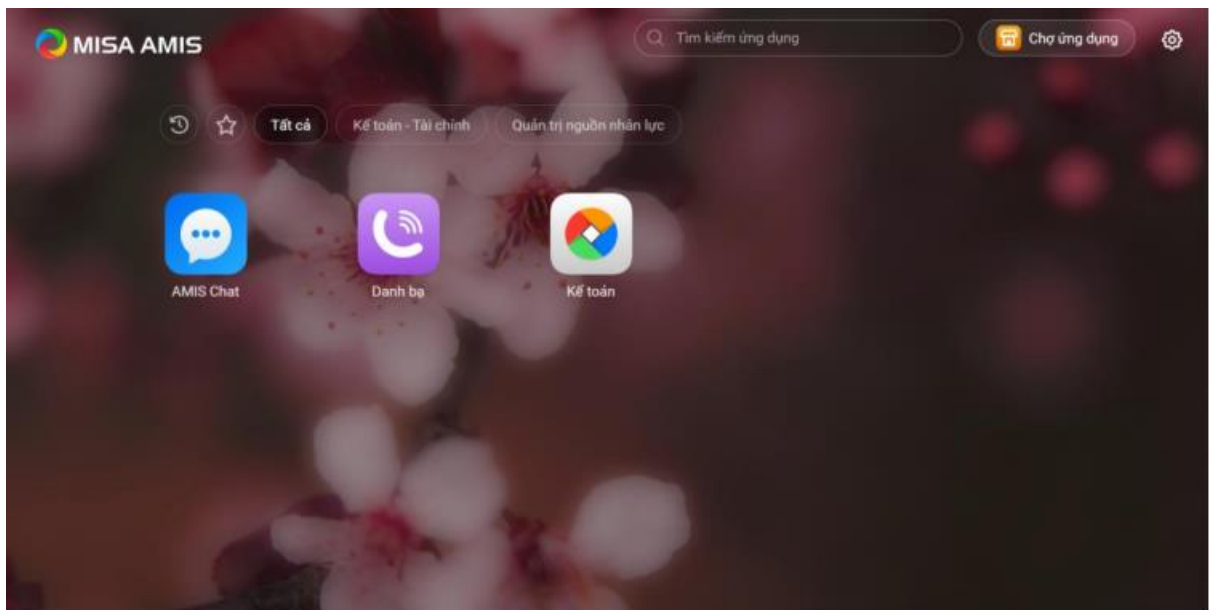
- Bên cạnh việc kế toán tiền hành ghi tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, Công ty có thể mở sổ nhật ký đặc biệt để tiện cho việc quản lý và tìm kiếm thông tin. Do các nghiệp vụ thu tiền, chi tiền và mua bán hàng hóa phát sinh với khối lượng lớn nên việc mở sổ nhật ký đặc biệt để ghi chép riêng các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán này sẽ làm giảm bớt lượng ghi chép các nghiệp vụ vào sổ cái.

- Các sổ nhật ký đặc biệt là một phần của sổ nhật ký chung nên phương pháp ghi ghép tương tự như sổ nhật ký chung. Các nghiệp vụ đã ghi vào sổ nhật ký đặc biệt thì không ghi vào sổ nhật ký chung. Trường hợp này, căn cứ để ghi sổ cái là sổ nhật ký chung và sổ nhật ký đặc biệt.

3.2.3. Ứng dụng phần mềm kế toán:

- Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán, Công ty nên chọn và áp dụng một phần mềm thích hợp với nhu cầu sử dụng và tình hình kinh doanh của Công ty. Áp dụng phần mềm kế toán sẽ làm cho công việc của phòng kế toán nhẹ nhàng hơn, đơn giản hơn, chính xác hơn. Việc này còn làm cho việc quản lý số lượng sổ sách, chứng từ kế toán gọn nhẹ hơn.

Phần mềm kế toán Misa là phần mềm kế toán giúp hỗ trợ các nghiệp vụ như hạch toán, quản lý vật tư, lập báo cáo kế toán,...Được thực hiện một cách dễ dàng, sử dụng đơn giản, phù hợp với các doanh nghiệp như Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng.



Giao diện phần mềm misa

- Tự động hóa thông minh: Tự động lấy dữ liệu từ hóa đơn điện tử, ngân hàng điện tử và các hệ thống bán hàng (như POS) để hạch toán, giảm thiểu tối đa sai sót và thời gian nhập liệu thủ công.
- Đầy đủ nghiệp vụ chuyên sâu: Đáp ứng toàn diện mọi quy trình từ quỹ, ngân hàng, mua/bán hàng, quản lý kho (đa phương pháp), thuế, tài sản cố định đến tính lương.
- Hệ sinh thái đa dạng: Cung cấp các dòng sản phẩm linh hoạt phù hợp mọi quy mô:
 - MISA SME: Phiên bản đóng gói, cài đặt trực tiếp trên máy chủ, hoạt động độc lập không phụ thuộc internet.
 - MISA AMIS: Nền tảng quản trị hợp nhất trên điện toán đám mây, cho phép làm việc mọi lúc, mọi nơi và liên thông các phòng ban (nhân sự, quy trình, kế toán).
 - Hóa đơn & Chữ ký số: Tích hợp liền mạch các giải pháp MISA meInvoice và MISA eSign.
- Bám sát chế độ kế toán: Luôn cập nhật kịp thời các thông tư, nghị định và biểu mẫu mới nhất của Bộ Tài chính cũng như Tổng cục Thuế.
- Báo cáo quản trị trực quan: Cung cấp hệ thống biểu đồ phân tích tài chính đa chiều, giúp ban lãnh đạo đưa ra quyết định kinh doanh nhanh chóng

* Chức năng:

- Cho phép các đối tượng ngoài kế toán như thủ quỹ, thủ kho tham gia vào phần mềm, giúp tiết kiệm thời gian công việc của thủ quỹ, thủ kho
- Giúp kế toán có sẵn số liệu để cung cấp cho ban lãnh đạo để ra quyết định kịp thời.
- Chuẩn hóa chương trình của doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian báo cáo mà không lo bị cơ quan thuế phạt do báo cáo chậm trễ, số liệu chưa chính xác.
- Tự động sao lưu dữ liệu mỗi phiên làm việc, dễ dàng phục hồi dữ liệu khi có sự cố xảy ra, dữ liệu kế toán luôn được an toàn khi có thay đổi về mặt nhân sự kế toán.

Quy trình hạch toán: Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán sử dụng phần mềm Misa để hạch toán. Quy trình hạch toán: Phần mềm Misa, Tổng hợp, Chứng từ nghiệp vụ khác.

3.2.4. Hoàn thiện chính sách tiền lương và phúc lợi:

Song song với việc hoàn thiện công tác kế toán, công ty cần xây dựng chính sách tiền lương và phúc lợi hợp lý nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động.

Công ty cần xây dựng chế độ khen thưởng khuyến khích người lao động hăng say làm việc, tích cực tìm kiếm những khách hàng tiềm năng. Công ty có thể áp dụng mức lương thưởng như sau:

- Mỗi người lao động vượt doanh thu 100 triệu đồng/ tháng thưởng 5% phần doanh thu vượt quá.
- Mỗi người lao động vượt doanh thu 200 triệu đồng/ tháng thưởng 10% phần doanh thu vượt quá.

3.2.5. Chế độ kế toán:

Doanh nghiệp nên chủ động cập nhật và áp dụng kịp thời Thông tư 99/2025/TT - /BTC vào công tác kế toán, đặc biệt là kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Trước hết, doanh nghiệp nên tổ chức rà soát toàn bộ hệ thống tài khoản, chứng từ và quy trình hạch toán hiện hành để điều chỉnh cho phù

hợp với quy định mới. Đồng thời, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán nhằm đảm bảo hiểu đúng và vận dụng chính xác các quy định. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao tính tuân thủ pháp luật, đảm bảo độ chính xác của thông tin kế toán và hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động.

Thông tư mới đã cập nhật các quy định về hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương phù hợp với chế độ bảo hiểm, mức lương tối thiểu và chính sách lao động hiện hành. Điều này giúp doanh nghiệp dễ dàng xác định đúng chi phí tiền lương phải trả cho người lao động cũng như các khoản trích nộp như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn.

Bên cạnh đó, Thông tư 99 hướng dẫn chi tiết hơn về cách ghi nhận và phản ánh chi phí tiền lương theo từng bộ phận như bộ phận sản xuất, bán hàng và quản lý doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí lao động hiệu quả hơn. Việc phân bổ tiền lương rõ ràng còn hỗ trợ nhà quản lý đánh giá năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nhân sự trong từng phòng ban.

Ngoài ra, thông tư mới còn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc ứng dụng phần mềm kế toán và chứng từ điện tử vào công tác tính lương, giúp giảm khối lượng công việc thủ công, hạn chế sai sót và tiết kiệm thời gian cho kế toán viên. Nhờ đó, thông tin về tiền lương và các khoản trích theo lương được phản ánh kịp thời, chính xác và minh bạch hơn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

KẾT LUẬN

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu, con đường phát triển riêng của mình, Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng cũng như vậy. Để quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán tiền lương nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng công tác quản lý lao động trong nền kinh tế hiện nay.

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng” đã đề cập tới những vấn đề lý luận cơ bản, tình hình thực tế tại Công ty và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng.

Tuy nhiên, do kiến thức còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đánh giá, những ý kiến đóng góp quý báu từ các thầy cô để khóa luận tốt nghiệp của chúng em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, chúng em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, phòng kế toán Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng và Th.S Đỗ Thị Thủy đã nhiệt tình hướng dẫn và giúp đỡ chúng em trong suốt quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Giảng viên hướng dẫn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Sinh viên thực hiện

(Ký tên)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2015). *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Linh Chi (2024). với đề tài “*Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Phương Nam 86*”, Trường Đại học Hoa Lư.
3. Bùi Thị Thanh Hải (2023). “*Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Hải Nam*”, Trường Đại học Hoa Lư.
4. Nguyễn Thị Lan Anh (2022). “*Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Phát triển Trọng Nghĩa*”, Trường Đại học Hoa Lư.
5. Tài liệu của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ An Sinh Hùng.